

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | | |
|---|--------------------|--|
| — Nghĩa tùy thời | ĐỖ ĐỨC DỤC | |
| — Chính thể Tổng-thống | PHAN ANH | |
| + — Vấn-đề canh-nông ở Bắc-kỳ:
Thanh-niên trí-thức với nghề
nông ở xứ nhà | NGHIÊM XUÂN YÊM | |
| — Xã-hội Việt-nam từ thế-kỷ thứ
XVII | NG. TRỌNG PHẤN | |
| — Ba cuốn tiểu-thuyết Pháp hiện
đại | LÊ HUY VÂN | |
| — Tình hình tiểu công-nghệ Đông
dương trong hai năm vừa qua | VŨ ĐÌNH HÒE | |
| — Trách nhiệm cha mẹ đối với
sức khỏe của con cái | Bác sĩ VŨ CÔNG HÒE | |
| — Ả Q chính truyện | ĐẶNG THÁI MAI | |
| — Đọc Việt-nam cổ văn học sử | THANH-TUYỀN | |
| — Ý nghĩa « Xuân thu nhâ tập » | ĐOÀN PHÚ TỬ | |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. Đ. | |

Nghĩa Mỹ thời

ĐỖ ĐỨC DỤC

T A sinh ra không gặp thời!

Một lời nói ta thường nghe thấy — theo sau là tiếng thở dài — ở những thiếu-niên sẵn có thông-miuh và tài-năng, nhưng hàng ngày uể-oải sống trong một vòng đời chật-hẹp, nhắm mắt để mình chới theo giòng sống vô-cùng bình thản, chán-chường!

Họ «đã» sinh ra quá chậm ở cái thế-giới già cỗi này» chẳng? Bao nhiêu điều bí-mật người xưa đã khám phá hết rồi, bao nhiêu ý-kiến người trước đã tư-tưởng cả rồi, không còn địa-hạt nào hoang-vu chưa có vết chân người bước tới để họ khai-khẩn, để họ đem ứng-dụng tài-năng, sở-trường của họ, để cho họ đạt được chí-nguyện bình-sinh?

Lý kia phải chăng là dịch-đáng? hay chỉ là nguy-biến để che dấu một tâm-hồn biếng-nhác thiếu nghị-lực, thiếu tinh-thần sáng-khởi? Nhà bác-học Neuton, sau khi phát-mình ra bao nhiêu định luật quan-hệ về khoa-học, còn tự ví mình như một đứa trẻ vui-vẻ tìm thấy vài chiếc vỏ sò sinh-đẹp ở bên bờ học bao-la mờ-mịt. Thì phải đâu loài người đã đi đến chỗ tận cùng của sự học, của sự tìm-tòi và hoạt-động.

Và chẳng ở những nước phú-cường đó có một nền văn-minh «cao cấp» họa may (!) người ta có quyền nói vậy! Ngoảnh lại nước mình, lời nói kia chẳng là vu khoát, tự-phê-lâm sao! Còn biết bao nhiêu việc phải làm còn biết bao nhiêu điều cần biết! Nghĩa và bạn ta nặng nề hơn ở đâu hết thấy!

Nếu nhà chí-sĩ Lương-khai-Siêu nói bốn phần của người thanh-niên Trung-hoa nặng hơn của bạn thiếu-niên Âu-Mỹ, thì bốn-phần của bạn ta lại nặng nề gấp bội.

— Hoặc-giả họ muốn nói: họ sinh ra ở một thời-đại . . . , hỗn-độn, giữa một đám người đơn-bạc . . . Họ không ngẫm và luyện-tiễn thời xưa tới đẹp-khẽ, không quay mắt nhìn trở lại sau. Trong nháy mắt thời giờ than vãn thở dài, họ để tiêu phí bao nhiêu khí lực cần cho việc làm hiện tại và sửa soạn tương-lai . . . ? Ấy là ta chưa nói tới sự thiếu thành-thực, thiếu suy-nghĩ thường có ở những người mượn lời nói kia để sống riêng một cuộc đời ích-kỷ và đôn-hèn.

chẳng thiên-hạ có hôn-mê, nhân-tình vn bạc mới cần đến tài-năng, đến đảm-n của người chí-sĩ. Sống giữa thời Xuân-hồn-loạn Mặc-Địch không bao giờ nản-ất-bại, chu-du khắp các nước để tuyên-ên đạo-học. Nhà hiền triết ấy đã già bạn: «...— Nay thiên hạ không ai làm nghĩa thì đáng lẽ bác phải khuyên tôi-gắng sức làm chớ sao lại ngăn tôi?» Ta theo gương người đó.

Nhêm nữa ta còn phải định nghĩa cho chữ thời. Nhà chính-trị De Gasparin của cách mệnh nước Pháp có nói:

Tùy-thời không phải là vâng theo những gì nhận được khi ta biết là sai lầm; nó là thừa nhận những việc thành-tựu của nó sâu-sa. Tùy-thời không phải là tuân-trong với điều dở, mà cũng-nhận những điều-kiện của sự sống trong thời, những căn-bản mới của nền văn-hóa hiện-đại; là dự một phần vào gánh-sức; là tự-gia-nhập vào những vận-hội của nay; là sửa-soạn cuộc tiến-bộ cho mai.»

Nhà chính-trị đó hết sức chỉ-trích những lúc còn trai trẻ thì tiếc những thủ ngậy của thời ấu trĩ; khi đứng tuổi họ tiếc những hăng hái của tuổi thanh-niên; trở về

già, họ tiếc bầu nhuệ-khí của tuổi trưởng-thành» nói tóm lại là những kẻ, «không một tuổi nào thấy họ biết sống theo thời, lúc nào họ cũng ngã lòng, ngã à vô-dụng và biếng-nhác».

De Gasparin kết luận: Ta muốn lấy đà nhảy mạnh, ta há nên dậm chân lên khoảng trống? ta phải đặt chân lên thực-tại... Giữa quá-khứ mà ta không được lường và tương-lai mà ta không biết thấu, có hiện-tại ở đó là bao nhiêu bồn phận của ta.

«Mỗi thời-đại có một lý-tưởng riêng, người của thời nào phải yêu thời đó, người thời nào phải theo đuổi lý-tưởng của thời đó.»

Sung-sướng thay mà cũng can-đảm thay kẻ nào biết yêu thời-đại của họ! Những lời của nhà chính-trị kia há chẳng là lời cảnh-cáo cho bạn thiếu-niên chúng ta sao?

Ta hãy nỗ-lực mà làm việc trong cái khung của chúng ta, . . .

ĐỖ ĐỨC DỤC

HỘP THƯ

Ông Nguyễn Bửu—(Huế) Xin cứ gửi cho xem bản kịch. Nếu hay sẽ đăng. Cám ơn trước.

Cùng tất cả ngài gửi bài đề đăng Lê nhà báo, không đăng không gửi lại bản thảo.

Cùng các bạn gửi thơ đề đăng. Xin giả nhời chung rằng trừ những trường hợp đặc biệt, báo Thanh-Nghị không đăng thơ, vậy thành thực cám ơn và xin lỗi các bạn.

— Xin nhắc lại các Bạn đọc đôi chỗ ở nhớ trả cho hai hào bằng tem theo thường lệ.

DÒI NAY

Avril 1943 sẽ ra:

GIAI PHẨM

một công trình đặc biệt về
≡ tinh thần và hình thức ≡

ĐÃ CÓ BÁN:

THI NHÂN VIỆT-NAM (1932-1941)

của
HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

Hình ảnh một thời-đại độc nhất
vô nhị trong thị ca nước nhà

Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Bìa của
họa-sĩ NGUYỄN ĐỖ CUNG

Giá bán loại thường 4\$50, loại bouffant
hảo hạng 7\$00, loại vergé baroque crème
20\$00.

NGUYỄN ĐỨC PHIÊN xuất bản
Boite postale 34 Huế

PÉDOCA
vinaigre de bon goût

EN VENTE:

dans tous les grands magasins

d'alimentations

N° 136

Boulevard A. Rousseau

Téléphone: 1663

HANOI

Chính-thể Tổng-thống

PHAN ANH

Ở những nước theo chính - thể đại-nghị thì quyền lập - pháp lẫn quyền hành - chính, mà do đó chính-phủ nhu-nhược ; ở những nước theo chính thể độc-tài, thì quyền hành - chính lẫn quyền lập-pháp mà vì vậy chính-phủ lộng quyền ; tất-nhiên ta có thể tưởng-tượng ra một chính-thể trong đó hai quyền pháp, chính được *ngang hàng, dân-quyền không bị uy-hiếp* mà chính-phủ cũng đủ thế-lực mà đối phó với thời cục.

Đạt được mực thăng-bằng chính-trị ấy kể ra rất khó, và có lẽ một sự thăng bằng hoàn toàn như thế chỉ có thể có ở trong lý - tưởng mà thôi.

Nhưng thực-tại mà nói, thì hiện ở hoàn cầu cũng có một vài chính - thể gần tới được mực thăng bằng ấy — Trong hạng này ta có thể kể chính-thể mà thường các nhà chính-trị học hay gọi là chính-thể « Tổng-Thống » (*gouvernement présidentiel*).

Đại-biêu chính-thể « Tổng - thống » có nước Hoa - kỳ — là một nước vẫn có tiếng là trọng dân - quyền, và lại cũng được công nhận là có một cơ quan hành-chính rất mạnh .

Dân-quyền được trọng là vì ngôn - luận, tư tưởng được tự-do, và sự tự do ấy có hiến-pháp bảo lãnh, và nghị-viện bênh vực.

Hiến-pháp của nước Hoa-kỳ, đại khái bảo-lĩnh dân - quyền, cũng như hiến pháp của các nước dân-chủ khác như Pháp, Anh v.v... Nhưng có một sự đặc - biệt, là hiến - pháp của Hoa-kỳ rất khó thay đổi, và trong nước, hễ mỗi khi hoặc quyền lập-pháp, hoặc quyền hành-chính mà định-đoạt một vấn-đề gì trái với hiến-pháp thì có một cơ quan độc-lập, là các viện tư-pháp có quyền *phê huỷ sự định đoạt phi pháp ấy đi* — Vậy cơ quan tư-pháp, mà đứng đầu là Tối Cao pháp-viện của Hợp-Chúng-Quốc, thật là một lợi-khí rất quý để bảo vệ hiến - pháp, để bênh vực dân-quyền — Sự bảo-vệ được có công hiệu một phần lớn là bởi địa - vị độc-lập, bất khả phạm của tư-pháp-quan : từ dưới lên trên, tư-pháp-quan đều do Tổng-thống nghị-bỏ, nhưng hễ đã bỏ rồi thì không thể quyền nào xâm-phạm

đến họ được, họ sẽ tại-chức cho đến kỳ-hạn tuổi hưu, nhà cầm quyền không thể lấy thế lực mà lung lạc được họ — Lịch-sử chính trị Hoa kỳ đã từng có những hồi kịch-chiến giữa Tối cao pháp viện và Nghị - viện ; những cuộc kịch-chiến ấy thường xảy ra về vấn đề lao-công Thí dụ năm 1914 nghị viện ưng hẳn một đạo luật gọi là Clayton Act, trong đó có mấy khoản giảm-quyền của tư-pháp-viện về sự can-thiệp đến chế độ lao - công ; thì đến năm 1921, Tối cao pháp viện tuyên bố đạo án phá tan công-hiệu của đạo luật Clayton Act làm cho chấn động cả dư luận toàn-quốc.

Xem đó đủ biết. Tối cao pháp viện thật là một lợi-khí để bảo thủ hiến-pháp.

Nhưng lẽ cố nhiên khi dư-luận của quốc-dân đã tiến hóa mà thay đổi — thay đổi một cách chắc chắn, chứ không phải chỉ chốc lát bỗng bặt như ngọn lửa mỗi rơm — thì Tối-Cao Pháp Viện cũng không thể bảo thủ được ; mà trong những cuộc kịch - chiến với nghị-viện, không phải bao giờ Tối Cao Pháp - Viện cũng phải thắng.

Khi Nghị-viện đã được quốc dân hoàn toàn ủng hộ, thì thanh thế rất to, trước làn sóng dư luận của quốc dân tràn vào cái « đập » Nghị viện thì Tối-cao pháp-viện cũng phải lui bước.

Cho nên, nếu Tư pháp viện là cơ quan bảo vệ dân quyền về sự duy trì, và bảo thủ hiến-pháp, thì trái lại, nghị - viện là cơ-quan bênh-vực dân - quyền bằng cách cải tạo xã hội, cho hợp với cuộc tiến-hóa không ngừng của sự-vật

Nghị - viện của Hoa - kỳ chia làm hai viện : Thượng nghị viện (Sénat), gồm có những đại biểu của từng nước ở trong liên bang cứ mỗi nước hai người ; Hạ-nghị viện (Chambre des Représentants) gồm có những người thay mặt của toàn-dân từng nước : nhiều ít tùy theo dân số — Cách bầu cử vào hai viện, đều theo lối phổ-thông trực-tiếp đầu-phiếu, duy có thượng nghị-viên, thì tuổi cao hơn là hạ-nghị-viên, và thượng nghị-viện lưu tịch trong hạn 6 năm, hạ nghị viên lưu tịch trong có 2 năm.

Hạ viện, và Thượng viện cùng chia nhau quyền lập-pháp, nhưng Hạ viện có đặc-quyền

về việc tài chính và Thượng-viện có đặc quyền về việc ngoại-giao và tham dự với Tổng-thống về quyền nghị - bỏ những viên chức cao cấp trong các ngạch hành-chính.

Nghị-viện, nhất là hạ-nghị-viện có thể gọi là một cơ-quan đại-diện của quốc-dân rất xứng đáng : mỗi khóa có 2 năm, nên giữa nghị-viện với quốc-dân không bị bức tường thời-gian cách chẵn ; sóng dư-luận quốc-dân cứ hai-năm một lần tràn vào nghị-viện ; khiến trong nghị-viện không có sự bế-tắc của một làn nước đọng, trái với phong trào tiến-hóa ở giữa quốc-dân.

Đó là một đặc-điểm thứ nhất của nghị viện Hoa-kỳ — Mà đó cũng là một cái rễ sâu xa của một nền dân-chủ chắc chắn,

Một đặc-điểm thứ hai là hạ-nghị viện không thể bị quyền hành chính giải tán được như ở nhiều nước khác. Vì thế mà địa - vị của viện càng công-hiệu và vô tư —

Nhưng ta chớ vội tưởng rằng quyền lập-pháp với những đặc-điểm kể trên có thể uy-hiệp được quyền hành chính !

Trong chính-thể « tổng thống » quyền hành-chính rất mạnh, mạnh hơn ở chính - thể đại-nghị nhiều — Mà cũng vì quyền hành - chính, tức là quyền của Tổng thống mạnh, nên người ta đặt tên chính thể này là *chính-thể tổng-thống*

Tổng-thống Hoa-kỳ cầm-quyền hành-chính, khác hẳn với các vị giám-quốc hay vua chúa ở những nước theo chính-thể đại-nghị.

Ở các nước đại-nghị, giám-quốc hay vua chỉ là những bậc đại-diện quốc dân chỉ có hư danh ! vì Cánh-quyền ở trong tay vị thủ tướng —

Tổng-thống Hoa-kỳ trực-tiếp cầm-quyền hành chính, điều khiển việc nội-trị ngoại-giao, ban bố pháp-luật, và thống quản binh-đội — Giúp việc có mấy vị thượng-thư : thượng-thư ngoại giao, thượng-thư tài-chính v.v... nhưng những vị thượng-thư này chỉ là *những viện-chức hoàn toàn thuộc quyền của Tổng-thống*, cử, phế là do tay mình ; họ không có một chút trách-nhiệm gì đối với nghị-viện ; họ chỉ chịu trách nhiệm với Tổng-thống mà thôi. Nói tóm lại, cử những người giúp việc mình, Tổng thống không phải theo ý hay lương ý của nghị - viện ; trái lại ở chính - thể đại - nghị, thì thượng thư lên cầm quyền phải có nghị-viện ưng chuẩn.

Vì không phải phụ thuộc vào quyền lập-pháp nên cơ quan hành-chính điều khiển then máy chính-trị một cách quả-quyết, nhanh-chóng —

Huống-chi, Tổng-thống lại là một vị thủ-lĩnh do toàn-thể quốc dân bầu lên (chứ không phải

bởi nghị-viện bầu lên) thì lẽ dĩ nhiên cơ-quan hành-chính lại càng được nhiều thành-thế, và nhiều tin nhiệm của quốc-dân.

Với cái thành-thế ấy và sự tin nhiệm ấy, Tổng thống Mỹ có nhiều quyền - lực hơn các vị quốc-trưởng những nước theo chính - thể đại-nghị.

Và cũng nhiều quyền-lực hơn một vị thủ-tướng trong chính-thể đại-nghị, vì Tổng-thống luôn trong bốn năm giới nắm chính-quyền : đã mấy vị thủ tướng tại chức được lâu như thế ?

Ấy là chưa kể nhiều khi, Tổng thống lại được tái cử một lần hay hai lần nữa : lịch - sự nước Mỹ đã ghi những trang oanh-liệt về sự-nghịếp của biết bao vị tổng-thống.

Không kể ông Lincoln là người đã thống-nhất được hợp - chúng quốc Mỹ, còn nhiều vị tổng thống đã biết dựa vào dư - luận quốc - dân mà cải tạo xã - hội một cách khá táo bạo, vì phải đập đổ thế lực của tài-chính-giới mà bênh vực lợi-quyền cho tiều-dân.

Ông Wilson đặt ra thuế «lũy tiến» (impôt progressif) để bênh vực người nghèo ; ông Jackson hủy bỏ nhà quốc-gia ngân hàng, vì cho rằng cơ-quan tài-chính ấy có hại cho nước, hai ông Franklin và Théodore Roosevelt vận động để nghị-viện ưng-chuẩn bỏ phiếu đặt những luật lệ có lợi cho phái cần lao.

Trong những lúc bất thường, người ta càng thấy rõ quyền-lực của vị tổng-thống, dĩ chỉ có người cho rằng chính - thể tổng - thống không khác gì chính-thể độc-tài !

Độc-tài về phương pháp thì có lẽ, vì với chính thể này, nếu cần, người ta cũng có thể hành động một cách cường quyết, nhanh chóng ; nhưng không phải độc - tài về căn-bản ; vì hết hạn bốn năm là quốc-dân lại tự-do bầu lại tổng thống, và bầu theo những *thề-lệ do hiến-pháp đã định trước*.

Nói tóm lại chính thể Tổng - thống có thể có hiệu lực của chính-thể độc tài mà vẫn toàn vẹn tinh-thần dân-chủ.

Nhưng chính - thể ấy phải chăng là một thứ cây giống ở đất nào, và khi hậu nào cũng được chăng ?

Cùng cây nho, giống ở Californie thì này những quả hương thơm vị ngọt mà đem giống ở vườn ta thì chỉ nảy ra những quả chua —

. P. A.

VĂN-ĐỀ CANH-NÔNG = Ở BẮC-KỲ = NGHIÊM XUÂN YÉM

THANH-N NGHỀ N

IÊN TRÍ-THỨC VỚI ÔNG Ở XỨ NHÀ

L. T. S. - *Thường người ta vẫn phân nân thanh niên trí thức nước ta không có óc thực - nghiệp, chỉ muốn yên-thân ở một công-sở. Nhưng gần đây mấy năm cái tệ ấy đã giảm. Có ít nhiều thanh-niên trí thức đã biết tự gây cho mình một cuộc sinh-hoạt bạo-gian độc lập.*

Tác-giả bài này là một người trong những người có chí tiến thủ ấy. Sau khi đậu bằng kỹ-sư canh-nông ông đã quả quyết đem sở-học ra mà trực-tiếp thi thố nơi đồng ruộng: tự mình ra lập ấp, tự mình trông nom việc cấy bừa, trông mấy năm giờ nay sống với dân quê, lo sự cấy sau cuộc bầm, ông đã được ít nhiều kinh nghiệm. Đọc bài này ta sẽ biết.

a) Nghề nông ở xứ nhà vẫn là nghề của hạng người nào?

Nói tới nghề nông, ai ai cũng công-nhận nghề nông là nghề gốc trong trăm nghề của dân ta. Ai ai cũng biết rằng số thóc gạo và các nông-sản khác chiếm một địa-vị quan-hệ trong nền kinh-tế xứ nhà. Nhưng nếu thử ngó qua tình-hình chốn đồng áng, đồi, ruộng, ta sẽ nhận thấy rằng, từ xưa tới nay, nghề gốc ấy chỉ ở trong tay đám lệ - dân dốt - nát. Còn bọn trí-thức, nhất là bọn thanh-niên trí-thức, chưa mấy ai để ý tới nghề cấy sau cuộc bầm ấy.

Trong sử, sách vẫn chép rằng vua quan ta ngày xưa cũng hằng sẵn sóc đến việc nông tang, cho nên nhà-vua mới đặt ra lễ hạ-diên, ra chức hà-đê, doanh điền - sứ mới cho sẽ các sông đào... Nhưng tự-trung dưới chế-độ khoa - cử cũ, câu « nhất sĩ, nhì nông » được coi là có ý nghĩa dĩ-nhiên, không ai dám cãi: nên hết thầy, ai cũng muốn chiếm lấy nghề hạng nhất, đề « tri chúa, trạch dân », còn nghề hạng nhì kia chỉ dành riêng cho bọn dã-nhân ngu muội. Vẫn biết rằng có một số ít các quan ngày xưa được vua cất ra coi việc canh - nông. Nhưng bình-sinh đọc từ thư, ngữ-kinh, với bắc-sử, đường thi, mà sau này ra coi việc trị-thủy với cấy, cấy, chúng ta cũng chẳng lấy làm lạ rằng sao trong trăm nghìn ông quan đó, tới nay chỉ duy còn lưu-truyền tiếng tăm của một mình cụ Nguyễn công Trứ ở hai huyện Tiền-Hải, Kim - Sơn. Song, đấy là việc ngày xưa, việc đã qua từ lâu đời, không nên nhắc nhiều

nữa. Chúng ta hãy nói chuyện trong vòng vài ba chục năm gần đây và truyện bây giờ...

Phong-trào canh-nông, trước kia cũng đã bùng-bột được một hồi, khi Nhà-Nước mới bắt đầu cho phép những người có tiền và có óc khai khai-khẩn đi khẩn-hoang đất đai. Nhiều người Pháp xin được hàng 100, hàng 1000 mẫu tây (hectare— 2 8 mẫu Bắc-Kỳ). Một số ít nhà tư-bản ta cũng xin hoặc mua được ấp và đồn - điền. Khi đó việc cấy ấp, lập trại còn dễ. còn lắm chỗ vì dân số ít, ruộng đồi nhiều, dân làng bừa nương hoặc bán lấy một giá rất hạ (vài đồng bạc một mẫu ta) cốt tránh khỏi phải chịu thuế.

Hồi ấy, một vài người Pháp, người Nam, đi lập ấp đó, chịu ảnh-hưởng phong-trào cải-lương trong giao-thời, cũng đã có ý muốn cải-lương nghề nông của ta, đem dùng vào việc canh-nông những phương pháp âu, mỹ (cây, bừa và khí - cụ máy móc, phân hóa-học, giồng cỏ để chăn nuôi súc-vật...) Nhưng hiềm vì công việc làm vội-vã. Thở-ngơi chưa thuộc khi-hậu chưa tường, và trình-độ dân-sinh chưa rõ..., mà đem áp dụng-ngay những phương - pháp trái ngược với cách - thức của nông - dân đã theo và chiêm-nghiệm từ lâu đời thành ra nhiều việc canh cải không hợp với thổ-ngôi, với cách giồng giọt của dân ta, nhiều điều thi hành sớm quá chưa hợp với trình - độ kinh - tế xứ nhà. Khiến cho phần đông những người đi trước chúng ta ấy điều chỉ quăng tiền ra trồng cây, chớ không phải trồng cây để lấy tiền. Dần có người tuy không thất-bại, song cũng không thấy được có kết-quả như đã mong đợi. Tiếp đến cách đây mười năm, là hồi kinh - tế khủng-hoảng, thóc gạo và mọi nông-sản đều sụt giá (hai, ba đồng bạc một tạ thóc) Ruộng nương rế rúng, đồn-diên và các ấp gọi bán không người thêm mua. Vẫn đề canh-nông mỗi ngày một bị sao nhãng; trên báo chí thường thấy hô hào chấn-hưng kỹ-nghệ, thương mại: còn việc nông, tang, chăn nuôi ít thấy nói đến hoặc có người bàn luận tới cũng chỉ vì bàn xuống, không ai hưởng ứng. Từ khi ấy đến gần đây khắp trong xứ, những người có nhiều ruộng mà ta thường gọi là đại-diên-chủ cũng chỉ còn là những

nông-gia ở cái tiếng gọi thôi; vì rằng các ông ấy không thiết đến nghề nông và không biết chi tới nghề nông và không biết chi tới nghề nông mấy. Phần nhiều những đại-diên-chủ đó vẫn quanh năm ở thành-thị, buôn bán, hay làm quan, làm các công sở. Vì có sẵn đồng tiền, nói thừa tiền có lẽ đúng hơn, bèn mua lấy vài ba trăm mẫu (7\$ đến 10\$00 một mẫu) phát canh cho tá-diên suốt năm ông chủ hay bà chủ về ấp nhiều lắm độ hai lần: một lần để thu thóc, một lần để bán thóc. Vì vậy người ta chỉ thấy nói đến ấp Quan An nọ, ấp Quan Phú kia, hoặc của ông Tham này, ông Phan khác, hay đồn-diên của một Thương-gia, một cụ Han, cụ Nghị...Độ 7/10 những điền - chủ ấy chỉ coi ấp và đồn-diên làm nơi di-dưỡng tuổi già, sau vài chục năm bon-chen, xô đẩy trên noãn-trường hay thương-trường, và để mai-hậu có sẵn thứ của chìm ấy chia gia-tài cho các con. Còn 2/10 thì coi ruộng nương là nơi gửi tiền chắc-chắn, tuy được ít lãi, tỷ như có tiền gửi nhà băng, mỗi năm đã yên cái sẵn một món tiền hay một số thóc của bọn tá-diên khảo đất lấy lúa để nộp cho chủ. May ra còn 1/10 là người có thực-tâm với nghề nông, nghĩa là hàng ngày sẵn sóc đến ruộng đồi, hiền và chăm chút đến cách thức giồng giọt, chăn nuôi: xem xét đến công việc của tá-diên, và thấu rõ tình cảnh cho họ

Quan-niệm của những đại-diên-chủ đối với nghề nông đã không được lạc - quan chi lắm. Còn như các bạn thanh-niên trí - thức, vì chịu ảnh - hưởng những thành-kiến của gia - đình về công-danh và địa-vị trong xã-hội, nên hết thầy coi nghề nông là một nghề hạng dưới, một nghề dĩ - nhiên chỉ giao cho những người không học. Cửa miệng vẫn lấy làm phải nên thường nói rằng: » đồ đạt rồi để cấy lúa, giồng ngô hái chè, nuôi bò...thì anh nhà quê hoặc anh Mán anh Thổ thường vẫn làm. » Thêm nữa, từ mười lăm năm về trước cho tới vài năm gần đây, đời sống ở chốn thị - thành sung túc vui vẻ và tung bừng, nên chỉ các bạn trẻ chẳng ai tội vạ gì quay đầu trông lại chốn đồng ruộng, thôn ở buồn thiu, người nhà quê mặt đen tay bần. Kể vốn đã sinh trưởng ở nhà - quê, sau khi ra tỉnh, hoặc đến chốn kinh - kỳ đồ bằng cao bằng thấp, cũng

không trở gót về thôn xóm nữa. Hàng ngày, ha bữa cơm gạo tám thơm phở, mà có nhiều thanh niên chỉ biết cây lúa của ta trong mơ hồ, y như các bạn hàng ngày ăn bánh mì buổi sáng, cũng biết cây lúa mì trong tưởng-tượng mà thôi...

Phong trào « nhà-quê ra tỉnh » ấy và sức lôi kéo của cuộc đời rực-rỡ hoa lệ chốn kinh-kỳ đã khiến phải thanh-niên học-thức bần như đoạn tuyệt với nghề nông là nghề cầm vận mệnh nền kinh-tế xứ nhà, đoạn-tuyệt với người nông-phu Việt-Nam nhần nại, cân-cù và can-dầm, huỳnh-huých khảo đất từ muôn đời nay, để lấy thực-phẩm nuôi thiên-hạ.

Sau khi đã xem xét khắp mọi nơi thành-thị, nay nếu chúng ta quay về các làng, vào ở hẳn trong xóm, giao du với đủ các hạng người trong thôn; và buổi sáng, chiều hôm, chúng ta ra ngoài ruộng hay leo lên những đồi trầu, nương ngô, thì chúng ta nhận thấy rằng: Trong một làng, trừ một số ít người buôn bán hay làm thợ, còn thì không phải ai ai cũng để ý tới nghề nông cả đâu? Ở một xã, trên nhất có những kỳ-hào, Cụ Chánh, Cụ Bá, Ông Lý, Ông Phó...và những nhà nho gỏi giang, Ông Đồ Ông Ấm, Ông Viên...Các người ấy, thường thường cũng có ít nhiều ruộng từ dăm sào đến vài ba chục mẫu. Trong số điền các ông ấy vẫn được liệt vào chân điền-hộ. Nhưng thựcra nhiều ông không thuộc hết ruộng của mình và cũng không lo đến mùa màng bằng lo việc quan, không sẵn sóc đến thóc lúa bằng sẵn sóc đến những đám khảo vọng...Vi sao? Vì rằng mọi việc đồng ruộng đã có các bà ấy và các lực - điền, con trẻ. Trời nắng lâu hay trời mưa dầm: đã có các bà lo, các bà liệu. Phân bón đủ hay thiếu, hợp với thổ - ngôi hay không, đã có các bà phải xoay, phải chiêm-nghiệm. Trầu, bò béo gầy, mạnh yếu đã có lực-diên phải chăm nom. Cây bừa tốt, xấu, nặng, nhẹ, đã có lực - điền phải sửa chữa. Thấy trời gió bão to, thấy lúa đốm sâu cắn, hẳn hoặc các ông cũng hơi lo nhưng một bữa rượu cũng đủ làm khiến các ông quên cái lo ấy. Quanh năm, các bà cũng có nhờ các ông được vài việc: vụ thuế ra đình đóng thuế hộ; tháng năm, mở lịch xem ngày xuống đồng (lễ hạ điền) và tháng mười hôm nào gặt rộ, thúc - rục mãi các ông mới ra coi thợ gặt được một vài buổi. Thế thôi!

Trong làng còn có một số ít người trẻ tuổi biết đọc, biết viết chữ quốc-ngữ hoặc vài ba tiếng pháp. Bọn này thường không chịu ở làng. Tự-hào rằng đã biết chữ thì phải ra tỉnh làm việc, nên trong 10 người có tới 7, 8 người cày cục ra chốn đô-hội kiếm việc: làm công cho các nhà buôn, làm loong toong, phu trạm, làm cai, làm thợ.. Bần-cùng không kiếm được việc gì họ mới chịu ở làng.

Tóm lại, ngay ở chốn thôn quê chúng ta cũng nhận thấy rằng: Ruộng bỏ hay rần? Phân bón chóng bốc mùi hay bền ruộng? Kiểu cày nào cày được sâu? Giống lúa nào cấy được thóc, chịu được nước? Thời tiết xoay ra sao thì cấy sớm, cấy muộn? Chiều gió nào sẽ tai hại cho các thứ cây cối, đỗ? Thử thả dầu nào nhiều quả, nhiều dầu? Thử cây gì giống tốt đất ra, hay xấu đất đi? Trâu bò khi ốm đau, chữa, để phải chăm nom ra sao?... chỉ có mấy hạng người sau đây lo lắng đến suy nghĩ tới và để tâm chiêm-nghiệm thôi: những hạng người đáng được mang cái tên « nhà nông » ấy là :

1. Các bà sản váy quai cồng, hai vai thành trai vì gồng gánh.
2. Những lực-điền quần cộc áo ngắn.
3. Và họa may, được một số rất ít người biết chữ và có kiến thức.

b) Tình hình thấp kém, chậm tiến bộ của nghề nông ở xứ nhà

Vì những phần-tử có học, có kiến-thức trong xã hội ta, những phần-tử có bôn-phận phải giúp, phải mở đường cho toàn thể lệ dân thất học đót nát, — đã chênh mảng với nghề nông, nên tuy đã trải 40 thế-kỷ kinh-nghiệm mà so sánh với người ngoài mình vẫn phải ở vào địa-vị thấp kém.

... về phương-diện canh-nông xứ ta đứng vào hàng em út. Còn nghề chăn nuôi, ta chưa có gì đáng kể. Khắp Bắc-kỳ mới có một số rất ít đồn-điền của người Âu nuôi bò, nuôi dê và một vài sở chăn nuôi của Nhà-nước.

... mọi việc trồng giọt khác có hy-vọng mở-mang được không? Xin trả lời quả quyết rằng không. Người dân quê làm vào cảnh đói rét, cơm ăn buồng bát bữa này, đã cần phải lo chạy gạo bữa sau; thì dù ai có sẵn ruộng cho họ mượn, để trồng giọt, họ cũng không thể trồng được nhiều. Trồng các thứ ngô, đỗ, lạc, mía, khoai củ... tất phải tốn nhiều nhân công để cấy, bừa, vun sới, nhổ cỏ, tốn nhiều phân và tốn nhiều tiền mua hạt giống, khoai giống.

Thường sau vụ gặt, được thừa ra ... Nhưng tiền vào nhà kho như gió vào nhà trống, số thóc ấy phải bán đi để trả

các món nợ vay lãi 15 phân, để may vá cho cả một gia-đình rách rưới như sơ mướp, để trả nợ miệng sới cân, lợn cân, chưa đang cai

Rút lại có nhà chỉ được giữ tạm số thóc kia trong vòng một tuần lễ, chung-quy vụ trước đã tay trắng mùa này lại trắng tay. Vì thế dân quê ta chỉ có thể cùng với vợ con xuất lực ra, lấy công làm lãi, họ không dám thuê mượn, và không có đủ tiền mua hạt giống, mua phân (một phần lớn phân do phải để dành cho cây mạ, khóm lúa). Cố gắng lắm mới nhà mới trồng được một sào khoai sọ, vài sào khoai lang, để có kế trợ-thời, lúc hết gạo, khoảng tháng ba, ngày tám... Nói tóm lại, nghề nông của ta kém Vì đó kỹ-nghệ, thương-mại cũng chịu một phần kém. Thương-mại muốn phát-đạt vững-bền phải có đủ hàng-hóa của đất nước mình tự xuất sản ra. Kỹ-nghệ muốn thịnh vượng chắc chắn, phải có đủ nguyên-liệu. Nguyên-liệu lấy ở đâu? Phần nhiều là nông sản. Một điều rõ rệt: từ khi khởi cuộc chiến tranh thế-giới đến giờ xứ ta thiếu mọi thứ: thiếu . . . vải, tơ; thiếu dấy; thiếu dầu, nến, xà-phòng; thiếu sữa, đường, thuốc lá, da trâu bò... thiếu tất cả mọi vật liệu cần dùng cho sự sống hàng ngày.

Vậy mà, ở xứ mình có phải không trồng được dâu, không chăn được lằm, không trồng được đậu gai, gió, lạc, thầu-dầu, vừng, mía, không có đồi cỏ để chăn nuôi súc vật đâu? Trên một giải đất chạy dài đường nam bắc ngót 17 độ vĩ-tuyến và trên các miền ôn-đới, chúng ta có thể tự hào về phương-diện canh-nông đất nước mình được tạo hóa biệt đãi lắm. Vậy chúng ta sao lại chẳng dám tin rằng: ở xứ mình có thể giống giọt được đủ mọi thứ cây cối cần lấy các thực phẩm, cần dùng làm nguyên-liệu cho các kỹ-nghệ cốt yếu trong cuộc sinh-hoạt một dân-tộc. Tôi quên chưa nhắc tới những biến thể của một vài kỹ-nghệ cũng lấy nghề nông làm chủ: thiếu essence chế rượu cồn chạy xe hơi, thiếu các thứ phẩm hóa học lấy ở khoáng-chất ra thì chế các thứ lá, quả, củ, rễ (lá sồi, lá bàng, lá chàm, quả giành-giành, củ nghệ...).

Người ta vẫn bảo: « Một nước có canh-nông làm cốt, không sợ vạ lây của chiến-tranh về phương-diện kinh-tế, bằng các nước kỹ-nghệ: vì nước ấy có thể tự cung-cấp được một phần rất lớn những nguyên-liệu cần-thiết, nếu việc buôn bán với ngoại quốc bị bế-tắc »

Sở dĩ trải qua 4000 năm có lẽ, tới ngày nay nghề nông của ta tiến rất chậm là vì những lẽ tôi đã nói trên, vì nghề nông của ta bị toàn thể giai-cấp tri-thức khinh-thương, riêng chỉ để dành cho bọn dân nguê, cho đám vô học.

Người dân quê xứ ta là một con ong. Con ong đập tổ, ủ mật; tuyệt khéo. Nhưng cái tổ ong từ thuở bàn cờ đến 1943 vẫn y nguyên không khéo

đều đặn, có phương-pháp thì họ sẽ tâm tưng được như các bộ máy hoàn-mỹ, chạy hết năng-lực hữu ích mà không hư hỏng. Đó cũng là một nguyên nhân quan-hệ, khiến nghề nông chóng mở mang. (Vấn-đề nhân-công là một điều kiện tối yếu cho nông-gia đi lập ấp hay đồn-điền).

Dân quê vốn rút rít, chậm-chạp, ít sáng-kiến. Họ không dám nhanh-nhẩu trong những cây mà tổ-tiên họ chưa trồng bao giờ; hay đem bón thử những thứ phân mà ông cha chưa từng chiêm-nghiệm.

Nghề nông, theo ý-nghĩa của dân ta hiểu, chỉ gồm có cây lúa. Một thước đất nào trồng giọt được cũng để giành cho cây lúa (1). Của cải nông dân khuôn cả ra ngoài đồng, vì cây lúa. Suốt năm từ vụ chiêm, sang vụ hạ giăng, vụ lúa sơm, đến vụ mùa, nông dân để toàn-lực trông nom cho cây lúa. Những ngày tết, ngày hội, đều định theo kỳ cấy lúa, kỳ lúa giỗ, kỳ gặt lúa. Văn-minh Việt-Nam là văn-minh cây lúa. Cây lúa chiếm hết đồng-bằng, leo lên tận quá 1500m, lưng chừng núi (1)...

... Bởi lẽ-dân ta từ xưa đến nay chỉ khu khu biết có một cây lúa, nên tới bây giờ, thế-kỷ 20, trong lúc khắp đông, tây, nông nghiệp bành-trướng, người ta trồng từ cây lá sả lẫn-lẫn, đến cây cao-su ngất trời, người ta nuôi từ con thỏ nhí nhất đến đàn ngựa ketch sù, thì mình chỉ loay hoay với cây lúa. ... Vì cây lúa chiếm độc quyền nên nông của ta không mở mang, nên trải qua trăm đời cày sâu, cuốc bẫm, nông dân ta chỉ thấu thái những cái tiêu sảo về cấy lúa, còn bao nhiêu vấn-đề canh-nông khác đều mờ mịt không hay. Đối với dân quê con bò cái tốt nái cũng chỉ là một con vật kéo cày, thỉnh thoảng để một con bê, để bán cho người ta mổ thịt ăn khao, thế thôi! Họ không biết rằng mấy bầu sữa kia là những nguồn lợi vô-tận cho chủ nuôi bò. ...

... Dưới con mắt họ, hạt đỗ nành chỉ để làm một chum tương ngon hay bìa đậu phụ trắng. Họ không tin rằng ở nước ngoài quả cà-chua đỏ chót có thể đóng hộp bán khắp thế-giới. Nhiều khi dân quê có thóc, có ngô mà không biết bán được nhiều tiền; họ muốn mua lạc, mua dầu mà chẳng biết đong được hạ giá. Họ cần tiền để làm ăn, nhưng không biết lối đi vay cho được nhẹ lãi... Lại còn một nỗi dân quê ốm-ấp lấy mỡ mà ông cha ở giữa trung-châu này, lúc nhúc có chỗ hơn 1500 người, trên một cây số vuông, chui rúc trong các gian nhà ở chuột, tranh giành từng thước vườn, miếng ruộng. Họ sợ con ma ngã nước nhưng họ không kinh các ông thần dịch-tả.

(1). « Les civilisations Indochinoises sont des civilisations du riz, dans la plaine comme dans la montagne, où la céréale grimpe jusqu'à plus de 1 500 mètres... » (L'évolution économique de l'Indochine Française par Ch. Robequin. Pages 255)

Họ cần phải được đưa tới những đất mới, được thở hút làn không khí nhẹ-nhàng hơn. Họ cần được gặp những khối óc thông-minh, sốt sắng, hiểu nghĩa vụ, biết trông xa, nhìn thấu, và nhanh-nhẹn mạnh bạo đưa giắt họ trong mọi việc canh cấy nghề trồng giọt chăn nuôi.

Nói tóm lại, người dân quê nhẩn nại, chậm chỉ bao giờ cũng sẵn lòng chờ đón chúng ta trở về, và cần chúng ta trở về để cùng bón sỏi, khai khẩn cho giải đất của tổ tiên để lại từ muôn đời mỗi ngày được tốt đẹp phì nhiêu thêm ra và nền kinh-tế xứ nhà có một căn-bản chắc chắn, vững bền. Đã đành rằng trong nhiều vấn-đề : trị-thủy, di-dân .v...v... phải nhờ có Chính-phủ đảm nhận cho hay đỡ đầu cho, nhưng những sáng kiến và lòng sốt-sắng của cá nhân chẳng phải vô ích, cũng như trong việc truyền-bá chữ quốc-ngữ, và tân-y-học với vệ-sinh.

Ngày giờ thanh-niên trí thức phải trở về với dân quê, với nghề nông đã tới. Chúng ta đừng rụt rè nữa. Đừng đợi chờ ở ai nữa. Vẫn biết rằng : công việc khó chẳng phải là một cơ cho phép chúng ta lùi trước Bonn-phận, đường giải há phải một điều cho chúng ta nản lòng trước nghĩa vụ. Thấy việc khó mà vẫn hăng hái đảm nhận cho thành-công. Thấy đường dài mà không ngại rất gót chồn chân, cố đi cho tới đích : chính là đặc sắc của thanh-niên dũng-sĩ.

Các bạn thanh-niên trí thức : Chúng ta phải cố gắng thành một đoàn dũng-sĩ.

Ấp Tuấn Lương, 7 mars 1943.

NGHIÊM XUÂN YÊM

(Tất cả những con số trong bài này vì một lẽ riêng không dùng được).

HÃY ĐỌC :

BA MƯƠI NĂM VĂN HỌC

của MỘC KHUÊ, giá : 1\$35

Hay là cuộc tiến hóa văn học Việt nam trong vòng ba mươi năm nay.

LUẬN TÙNG

trong tủ sách Tân-việt, giá : 1\$50

Một quyển sách dành riêng cho các bạn nào ham thích triết học.

SẮP PHÁT HÀNH :

Thi hào TAGORE

quyền đầu tiên trong « Tủ sách danh nhân Tân-việt »

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT

đã dọn lại : số 29, phố Lamblot, HANOI

XÃ - HỘI VIỆT - NAM TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẦN dịch

BÀI THỨ MƯỜI BA

IV. — Mariny

Chương thứ XV (tiếp theo)

Tang lễ Thanh đô vương Trịnh Tráng (tiếp theo)

Tây vương Trịnh Tạc và các gia thần tin rằng có nhiều lý lẽ bắt buộc ngài còn phải làm cho đám ma của tiên chúa được long lẫy và tráng lệ hơn lúc đầu. Muốn làm hiển danh phụ vương và hi vọng rằng sau này còn có những công cuộc vinh diệu hơn và nhiều sự diễn tả rực rỡ hơn. trước hết ngài chọn một chỗ có bề thế và vị trí xứng đáng với tang lễ tiên vương; ấy là một hòn đảo nổi ở giữa sông, dài ba lí từ bắc đến nam, rộng hơn một lí, chu vi được chừng bảy, tám lí, rất đẹp để và thuận tiện. Ngài cho vạch lên cát đồ án những đài kỷ niệm sẽ phải dùng nhiều thợ đủ các nghệ và đủ tài khéo dựng lên đấy mà không bỏ hẳn ý kiến lúc ban đầu là xây dựng cả một thành phố mới, một triều đình mới có đủ vật dụng của một kinh đô. Việc xây dựng đến 28 tháng chạp dương lịch xong bọn thợ thuyền không thích gì hơn là được cái vinh dự đã đem tài hay nghệ khéo giúp chúa. Rồi người ta xem lịch chọn ngày hành lễ; Muốn cho dân gian khỏi mất dịp xem một quang cảnh tráng lệ và mới lạ như thế này, từ hôm trước người ta đã cho phép nhân dân vào dạo chơi và xem xét cẩn thận công cuộc trọng đại này. Thành quách hình vòng, xây trên cát, theo bờ con sông bao bọc lấy hòn đảo chung quanh. Về phía nam, có một cái cột cao lạ lùng đặt trên những cái bệ lớn vô kể; bệ có phủ vàng quí, đỉnh cột có đặt ba quả cầu cũng bằng vàng thân cột cũng có quấn vải dệt bằng vàng và cheo nhiều cờ, biễn bằng gấm, vóc đắt tiền gió thổi làm phấp phới luôn luôn; trên mặt các cờ biễn này có dính những giòng chữ bằng vàng, bạc ca tụng công danh và sự nghiệp tiên vương. Hai bên cột có tượng 2 vị thần

cao lớn mang cung tên. Cách đấy ít nhiều, đi lên phía bắc, có một con đường rộng trên có nhiều đội kỵ binh dàn thành thế trận và nhiều tàu tượng có đóng bành đẹp và trên lưng có đặt những đài thếp vàng trong có quân sĩ mang khí giới và mặc những binh phục đắt tiền và lạ mắt, ở khu trung ương, có dựng 21 cái tháp vào 3 chỗ khác nhau, tháp giữa cao nhất. to nhất, được chạm trổ, nạm vàng dát bạc nhiều nhất, tháp này hình vuông và ít ra cũng cao 12 sải, mỗi mặt rộng 2 sải rưỡi. Tháp đứng được là có nhiều sà bắt vào nhau; những sà này có dán giấy sơn và cắt ra từng mảnh thành nhiều hình đặt cân đối với nhau rất đẹp, mỗi một tháp cao 7 tầng, mặt nào cũng có cửa rộng soi sáng bên trong có bày rất nhiều tượng các tướng sĩ thuộc hạ của chúa bấy giờ, tượng nào cũng mặc sắc phục đẹp và xếp theo chức tước của người thực. Lên quá vùng tháp này, ta thấy hai lầu dài làm ngạc nhiên khách đi xem và có trang hoàng bằng những hình nổi. Tòa lầu dài quí giá nhất và tráng lệ nhất hơn tòa kia nhiều vì mái và tường có phủ gấm ở đầu bốn góc và nóc có chõng năm quả cầu bằng vàng lúc có mặt trời làm mắt chói lòa không chịu nổi. Lầu dài thứ hai tuy bé hơn và không đẹp bằng nhưng cũng không thua về kiến trúc và mỹ thuật; các hình bằng giấy trang kim, các hình bằng vải nhuộm đủ các màu trước hết đem cắt ra thành nhiều dải, dải ấy lại cắt ra thành nhiều mảnh, sau lại cho những thợ chuyên môn chắp và khâu lại thành những hình đẹp và làm lạ mắt khách đi xem đến nỗi họ không rời bước đi được và tưởng rằng không có gì đẹp đáng xem hơn. Muốn từ các xóm ngoài này vào thành chính đã có ba cửa to; thành có chừng dưới bốn trăm nhà bằng gỗ, có cái sơn màu. có cái thếp vàng, xếp rất cân xứng và khéo léo (proportion et grâce) làm ta tưởng giá đem

sang Âu châu) thì qui mô và kiến trúc này còn được quý chuộng hơn vì, dân bên này không hiểu thế nào là cân đối. Nhà không làm liên tiếp nhau, nhưng cách nhau : (ở khu giữa) các nhà đối diện nhau và cách đều nhau để chừa ra ở giữa một khu trống làm con đường chính cuối đường, cung thành hiện ra thành một cảnh lầu người ta say mê ít khi được thấy. Những nhà khác dựng lên khắp chỗ bao bọc lấy nhiều con đường ngoằn ngoèo và dùng làm những khu phụ thuộc của cung thành. Bên trong, mỗi nhà đều căng toàn lụa nguyên tấm hoặc lụa có điểm hoa vàng. Gian nào cũng có hành lang chạy chung quanh, và hành lang có bao lơn bằng đồng, giống những đồng tiền lưu hành trong xứ và giống những đồng tiền demi bajoques bên Ý-dại lợi ta. Nhà của trưởng tử tện (1) là Tho còn sang hơn những nhà này vì ngài muốn bao không những chỉ có đồng nhưng ở giữa còn đeo thêm nhiều vòng bạc và trên đầu có đặt nhiều hòn tròn bằng bạc : sự xa phí này, không những chỉ làm cho nhà xán lạn và tráng lệ hơn lại còn tỏ ra rằng chủ nhân hào phóng và nhân công tài khéo vì ông này, muốn cho nhà khỏi gió mưa, còn dùng bạc lợp lên cả mái (nếu nhà không dựng lên nhiều cột lớn thì không bao giờ chịu nổi một sức nặng quá chừng thế được).

Người ta còn khen ngợi một tòa nhà nữa do một viên thái giám dựng lên gần tòa nhà nói trên, trong có chằng găm, vóc mua bên tàu thêu hoa và hình vàng, quý giá và dẹt kỹ người dân ngoài chưa bao giờ được thấy. Ở ngay lối vào nhà nào cũng có những buồng

ngăn hoặc gian dài bịt kín trong có chứa chừng ba bốn trăm bao gạo mỗi bao nặng từ một trăm đến trăm hai mươi cân ta. Các quan trấn thủ các tỉnh gửi về dâng các phẩm vật: hoặc ngựa đã thuần thực có yên cương, hoặc rất nhiều bò, trâu; các quan trọng nhậm miền thượng du gửi về dâng sơn dương, hươu nai, hoặc hổ, lang chó hoặc mèo rừng còn sống, không kể các giống chim rất quý đã bắt được các súc vật này đều đem nhốt vào một chỗ, trong cung thành mới, mỗi loại vào một nơi.

Cuối cùng thì đến tòa đại diện mà thể tử dựng lên để thờ tiên vương giữa một công viên rộng để chứa số dân gian ở khắp các nơi về xem một quang cảnh rất biếm và rất lạ. Tuy vậy tòa cung điện này cũng không rộng bằng tòa cung điện mà sinh thời tiên vương vẫn ngự, tuy hai tòa cùng một kiểu và chỉ có khác nhau về to rộng. Vào bên trong các cửa chạy giải chung quanh thành hành lang có rất nhiều cột, nhiều nhưng không hỗn độn trên có nhiều biểu hiệu và câu đối bằng chữ nho.

Gần cung, có một cái bệ, phủ vàng trên có rải nhiều hoa và đốt nhiều hương lúc nào cũng nghi ngút. Trên bệ có đặt một cái ngai, toàn bằng vàng và bằng ngà. Áo bào kiểu rất hiếm và lạ, khéo hơn kiểu point d'Espagne và các y-phục kỳ lạ nhất bên Âu Châu, được đem đặt lên trên bệ, tỏa xuống cả đến chân ngai; có cả chiếc mũ miện đặt lên chỗ cao nhất chiếc ngai. Chỗ ấy còn có hai chữ đại tự tỏ rõ ý kiến của thể tử đối với tiên vương có nghĩa là luôn luôn « có mặt » (tanquam presenti) (trang 313-319).

(1) Infant.

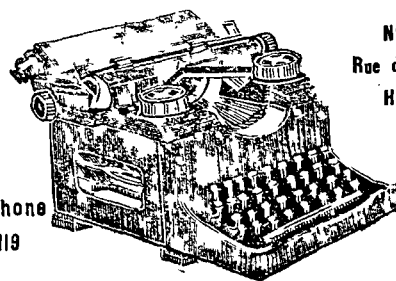
(Còn nữa)

ĐÃ CÓ BÁN:

LỊCH TRÌNH TIẾN HÓA SÁCH BÁO QUỐC NGŨ

IN ĐẸP TRÊN GIẤY LÁNG
NHIỀU HÌNH ẢNH CÁC VĂN NHÂN
Giá 2\$00, cước 0\$40

Một nhà chuyên môn chữa và cho
thuê máy chữ, từ 20 năm nay,
được tin - nhiệm của mọi người
== Cần mua nhiều máy chữ cũ ==



Téléphone
n° 119

N° 14
Rue du Papier
Hanoi

MAISON QUANG - LOI

TRONG đời người có một thời-kỳ mà mỗi cảm giác, mỗi hành-động đều lại trong tâm hồn ta một dấu tích khó phai. Đó là cái tuổi mười lăm, mười tám, sắp thôi trẻ con mà chưa người lớn hẳn, chiếc áo trịnh bạch prétextac của đồng tử xứ La- mã cổ đương cời để khoác tấm áo màu của bậc tráng niên. Sức phát-triển của con người lúc này bị khủng hoảng vừa về sinh lý lẫn tinh-thần. Một kích-động nhỏ, một tình yêu nhẹ có thể có ảnh-hưởng rất lớn đến cả cuộc đời mai hậu. Biết bao mỗi giây bằng hữu đã cố kết trong cái tuổi đương trai ấy! Bao nhiêu tư-tưởng đã nảy mầm, bao nhiêu ý trí đã xoay chiều từ thửa bấy giờ!

Cuốn *Le Grand Meaulnes* (anh Meaulnes cao) của Alain-Fournier chính là câu chuyện những bí mật, những băn-khoăn, những ước vọng của cái tuổi đương mơ tưởng một cuộc sống hoàn toàn.

Một ngày kia Fournier, đã gặp ở Cours-la-Reine trong kinh-thành Ba-lê một thiếu nữ tuyệt đẹp khoác chiếc áo quàng màu hạt dẻ, che ó trắng. Tìm đủ mọi cách, chàng thanh niên biết được tên biết được chỗ ở của nàng và hơn thế nữa những câu giả nhời của thiếu nữ tỏ ra rằng Fournier cũng không phải là khách qua đường.

Mấy năm qua, thiếu nữ đã đời bỏ Ba-lê. Fournier phải khó khăn mới tìm được dấu vết, nhưng tìm thấy đề mà mệnh-mông thất vọng vì nàng đã có chồng.

Hình ảnh người con gái đó trong tâm hồn của nhà văn thành hình ảnh của người đàn bà thật hoàn toàn. Sau này chàng có yêu nữa nhưng mỗi lần yêu là để thấy tâm hồn bất mãn.

Cho nên người ta có thể nói rằng Fournier đã viết cuốn tiểu-thuyết độc nhất của ông là để kết tinh lại một lần cho xong tất cả bóng dáng của cuộc gặp gỡ. Vì thế nên trong «*Le Grand Meaulnes*» vẫn chiếc áo quàng màu hạt dẻ, vẫn chiếc ó trắng năm xưa.

Le Grand Meaulnes, không những là câu chuyện cuộc gặp gỡ năm trước mang đề vào khung cảnh khác.

Đó lại còn là câu chuyện của cả cuộc đời thôn dã của ông, cuộc đời của một trường tiểu học nhỏ, nơi làng xa heo lánh. Muốn biết cuộc đời của Fournier chỉ cần đọc *Le Grand Meaulnes*. Jacques Rivière, người bạn thân của Fournier nói về đã chỉ lý: «*Lấy những việc ở ngoài đề viết tiểu sử*

== BA · CUỐN ==

TIÊU-THUYẾT

PHÁP HIỆN ĐẠI

LÊ HUY VÂN

của Alain Fournier mà không nhìn tới các chuyện ngắn và cuốn tiểu-thuyết của anh ta thì thật là nói dối, không kể đúng những việc mà anh ta từng làm ».

Fournier là con hai vợ chồng một nhà giáo ở một làng nhỏ giữa Saint-Amand với Montluçon thì trong cuốn tiểu thuyết hai nhân vật chính cũng sống trong khung cảnh ấy. Fournier đã từng xuống Brest để học trường thủy-bình theo tiếng gọi của những cuộc phiêu lưu xa xôi thì trong chuyện, anh chàng Frantz de Galais cũng là lính thủy. Và khi Meaulnes thơ-thần ở Ba-lê đi chơi với cô gái mặc đồ đen cổ viền trắng thì ta lại nhớ quãng đời của ông-lúc theo học trường trung học Lakanal để thi vào Cao-đẳng sư-phạm.

Sự thật với mơ mộng. Ấy là những tư chí Fournier đã dùng để dệt thiên tiểu-thuyết độc nhất của mình.

Câu chuyện đó như sau này :

Seurel, con một ông giáo ở vùng quê, là một gã trai mười lăm. Hắn đương sống một cuộc đời bình dị, yên ổn của một trường làng nhỏ thì một chiều chủ nhật lạnh lẽo tháng một, Meaulnes đến. Cái cách chàng trai mười bảy, cao lớn lộc-ngộc ấy ra mắt mọi người kẻ cũng hơi kỳ. Vừa đến hắn ta đã chèo lên chỗ để các đồ-đạc cũ tìm kiếm lục lọi. Vó được chiếc pháo cây bông còn sót lại từ một ngày 14 Juillet nào, hắn rủ ngay Seurel ra sân đốt. Hình ảnh đầu tiên của đôi bạn trẻ là bóng hai đứa bé nắm tay nhau đứng trong ánh lửa thần tiên đầy hoa cà hoa cải đỏ vàng.

Từ ngày Meaulnes đến thì Seurel không sống cuộc đời chăm học nữa, Meaulnes mang lại một luồng gió phóng-khoáng tự do. Quang cảnh trong trường đổi khác. Trước kia sau tan học buổi chiều sân trường vắng lạnh. Ngày nay học trò lớn quây quần nhau lại bàn tán, cãi cọ trong khi Meaulnes trầm ngâm.

Nhưng một hôm kia, chừng tám ngày trước lễ Noël, Meaulnes bỗng biệt tăm. Nguyên mỗi năm gần đến Nguyên Đán, ông cụ bà cụ Charpentine vẫn đến ăn tết với con rể, con gái ở trường làng Thường lệ, một gã học trò được cử đánh xe ngựa đi đón. Năm ấy tuy trong lớp nhao nhao bầu cho Meaulnes nhưng ông Seurel cứ lơ đi. Meaulnes lẳng lặng không nói gì nhưng hôm sau thì bỏ học, lấy xe trốn ra ga. Đêm đó có người bắt gặp chiếc xe ở ngang đường mang về giả, còn Meaulnes thì biệt dạng.

Bốn hôm sau, hắn trở về. Sau buổi học sáng, hắn đóng cửa lớp lại, lấy quyền địa đồ hí hoáy tìm kiếm con đường đã đi qua. Và đến đêm, lúc Seurel tỉnh giấc, ngạc nhiên thấy Meaulnes bận trong người một chiếc áo gilet lụa, cắt theo kiểu của những thiếu niên đi khiêu vũ thừa 1830. Thế là đủ làm nức lòng một cậu bé từ xưa yên lặng sống. Tiếng kêu của Seurel là tiếng kêu của tất cả thanh-niên đương một tương phiêu lưu:

— Meaulnes! Anh lại đi đấy à? Tôi đi với anh Anh phải cho tôi đi theo.

Meaulnes chắc đã được đến thăm một nơi kỳ lạ lắm nên cứ đêm đêm đi bách bộ trong phòng không chịu ngủ. Có lẽ hắn đã gặp một thiếu-nữ tuyệt trần chăng? « một thiếu-nữ đẹp hơn cả Jean-nine, cô gái đồng trinh trong vườn nhà tu kín phải nhìn lỗ khóa mới thấy, đẹp hơn Madeleine, con nhà hàng bánh, má hồng, tóc hồng; đẹp hơn Jenny con gái bà chúa tòa lâu đài, tuy đẹp nhưng lại diên, cả ngày bị nhốt. »

Meaulnes quả có gặp và câu chuyện như thế này Meaulnes lấy xe ngựa ra đi nhưng lạc đường. Giờ tối hắn tìm đến chỗ có ánh đèn le lói. Một bát sữ với một miếng bánh tạm đỡ lòng đói này. Nhưng miền đó là một miền heo lánh nhất ở Sologne cho nên ba giờ chiều hôm sau thì hắn lạc đến một khu rừng thấp thoáng có mái nhà.

Lại gần Meaulnes mới hay rằng mình lạc vào một đám hội, một đám hội kỳ lạ do toàn trẻ con điều khiển.

« Tiến lên đến chỗ đường quặt đầu tiên, anh ta nghe thấy có tiếng người nói càng gần. Anh vội lẩn vào rừng thông non rậm rạp, ngồi sụp xuống nhìn hơi, lắng tai nghe. Tiếng nói là tiếng trẻ con Một bọn trẻ đi sát ngay gần đấy. Một đứa chừng con gái lên tiếng, giọng nói ngo ngoảnh đến nỗi Meaulnes tuy không hiểu là chuyện gì mà cũng phải mỉm cười. Con bé nói:

— Có một điều làm tôi lo nhất là chuyện ngựa. Ai cấm được Daniel cưỡi con ngựa vàng to lớn!

Có tiếng đứa con gái giả nhời, giọng chế nhạo

— Ai cấm được! Chúng ta chẳng được phép muốn làm gì thì làm à?... Nếu ta thích, ta có thể làm ta bị thương kia mà...

Rồi tiếng nói càng xa thêm giữa lúc một đám trẻ con khác lại gần »

Meaulnes dõi đi một nhiều. Chàng liền chèo lên nóc các cỗ xe ngựa để ngón ngang ngoài sân rồi truyền qua cửa sổ vào một gian phòng. Sẵn giường chàng đánh một giấc dài. Lúc tỉnh dậy giờ đã tối mà ở cửa sổ ai đã cheo hai chiếc đèn xanh.

Từ lúc đó, Meaulnes sống một cuộc đời vui chơi ăn uống thỏa thích rồi lại đi xem các trò giải-trí. Dần dần, nghe các người khác nói chuyện với nhau, chàng mới hiểu rằng con vị chủ nhà, Frantz de Galais, là một thiếu niên có những tính tình kỳ quặc mà được bố rất nuông chiều. Hắn mê một thiếu nữ ở ngoài tỉnh, hôm nay thì đón về mà lại muốn lúc vợ tới nơi thì cả nhà đương có hội hè vui vẻ.

Ngày hôm cuối cùng Meaulnes gặp một thiếu nữ tuyệt trần khoác chiếc áo quàng màu hạt dẻ. Đó là Yvonne de Galais, chị gái của Frantz. Meaulnes xin phép một ngày kia lại được gặp lại chốn này thì nàng giả nhời, dẫn đi:

— Tôi sẽ đợi ông.

Cuộc vui đã tàn mà hai vợ chồng Frantz chẳng thấy về nhưng đêm đó lúc Meaulnes tỉnh dậy thì thấy trong phòng mình một thiếu niên trẻ măng, đầu trần, áo khoác trên vai, thất vọng hiện ra nét mặt. Người đó nhờ chàng xuống bảo mọi người giải tán. Lúc giờ lên thì chỉ thấy một mảnh giấy bên ngọn nến le lói:

« Vợ chưa cưới của tôi đi mất cho tôi hay rằng nàng không thể làm vợ tôi được; nàng chỉ là một cô đi may thuê chứ chẳng phải là một vị công chúa. Tôi không biết rồi sẽ ra thế nào. Tôi đi đây. Tôi không muốn sống nữa. Yvonne nên tha thứ cho tôi vì tôi không kịp từ giả chị. Nếu có từ giả kịp thì cũng chẳng gúp được chuyện gì... »

Meaulnes ra về cùng với mọi người. Trong đêm tối chàng nghe thấy một tiếng súng nổ rồi một bóng trắng chạy vội vào rừng âm một người trên tay.

Từ hôm Meaulnes về chàng chỉ ra công tìm kiếm con đường đã đi qua, con đường sẽ dẫn chàng đến chốn lâu đài bí mật hôm xưa. Tính chàng thành âm thầm và vì thế mà anh em bạn học đều ghét bỏ, ghen tức.

Vừa lúc đó thì có một thanh-niên lạ mặt đến làng Hắn cùng đi với một anh chàng nữa cao lẳng khảnh thuộc vào cái dân Bohémien lang thang trên các con đường châu Âu trong chiếc xe ngựa, diển trò một phần ăn cắp một phần để mưu sinh. Không hiểu tại sao mà gã ta mới đến đã thu phục được tất cả bạn học-trò và một đêm kia đã tổ-chức một cuộc ăn cướp, gã đánh lừa cho Meaulnes ra ngoài đến chỗ heo trời lại lần túi lấy tấm bản đồ mà chàng đã kỳ cục mãi mới về được một phần.

Gã lạ mặt đó lại cả gan đến nỗi hôm sau xin nhập học ở trường làng. Và từ buổi ấy chiếm chỗ em đàn anh của Meaulnes, điều khiển các cuộc chơi.

Nhưng dần dà hẳn làm quen với chàng, giữ lại hẳn - đồ lại về thêm cho ít nhiều vì hẳn cả quyết cùng đã từng dự đám hội hôm ấy. Nhưng tuy thế con đường cũng chưa rõ ràng thì hẳn lại chỉ thêm cho Meaulnes biết tòa nhà ở Ba-Lê chỗ thiếu nữ ở hay đến vào dịp Pâques hay Pen ecôte.

Hẳn chỉ bắt Meaulnes với Seurel thề rằng nếu có một ngày kia hẳn cầu hai người giúp sức thì nghe tiếng hút của hẳn hai người phải lại ngay. Nhời thề tuy chỉ ở miệng hai gã trẻ tuổi mà sau này đã bắt Meaulnes phải hy sinh hạnh phúc của mình.

Gã lạ mặt đó chẳng là ai xa lạ. Đầu hẳn bằng bó chẳng chặt nên không nhận được. Nhưng đêm hôm cuối cùng ở lại trong làng, sau một buổi diễn trò, hẳn đã tháo băng ra để cho Meaulnes kịp nhận thấy rằng hẳn chính là gã Frantz de Galais kỳ quặc. Và sáng hôm sau thì hẳn đi mất.

Thì ra hẳn đã tự tử nhưng không chết mà bóng trắng Meaulnes thoáng thấy đêm nọ chính là gã bohémien lêu lêu đã cứu Frantz mang đi, Frau z đã bằng lòng sống cuộc đời phiêu lưu, nguy hiểm để tưởng tượng lại cuộc đời ấu trĩ đầy vui chơi.

Frantz đi, Meaulnes lại cố tìm con đường cũ nhưng chỉ mất công không. Chàng bèn nhất quyết xin mẹ cho lên Ba-Lê trọ học, cố tìm thiếu nữ ở chỗ ở Frantz để chỉ cho.

Mấy bức thư gửi cho Seurel toàn thất vọng: thiếu nữ không đến đấy nữa mà có lẽ đã lấy chồng. «Cuộc phiêu lưu của chúng ta thế là hết. Phải đợi đến lúc chết ta mới biết được đoạn nối và đoạn hết câu chuyện đồ đang này».

Lắm họ hàng cũng có khi lợi. Seurel ở lại ngôi làng hẻo lánh một mình. Nhờ vì có một ông chủ mà chàng biết được tòa nhà bí mật của Meaulnes ở chỗ nào, chàng lại được gặp cả thiếu nữ mặc chiếc áo quàng màu hạt dẻ. Nhờ vì có một bà cô mà Seurel lại biết rằng vợ chưa cưới của Frantz nay ở Ba-Lê.

Mừng rỡ, chàng chạy đi tìm Meaulnes mong cho bạn lại gặp người năm trước. Chàng đến giữa lúc Meaulnes sắp sửa ra đi. Đáng diệu của anh ta có vẻ miễn cưỡng thế nào. Biết rằng hạnh-phúc chỉ với tay là tới mà gã trai cao lêu lêu chẳng tỏ vẻ vui mừng. Cái lẽ tại sao, mãi sau này mới rõ.

Nhưng rồi Meaulnes cũng đi về phía hạnh phúc. Chàng gặp Yvonne, hai người đính hôn với nhau. Năm tháng sau thì cưới, vào một chiều đẹp giá lạnh, tháng hai.

Nhưng giữa lúc đôi vợ chồng mới ngồi nói chuyện với nhau thì một tiếng hú dài nổi lên. Frantz đã giờ về cầu cứu với Meaulnes vì chàng đã lang thang khắp đó đây mà chẳng tìm được vị hôn thê cũ.

Seurel là người bắt gặp Frantz đầu tiên. Muốn cho hạnh phúc của bạn khỏi tan vỡ, chàng hết sức an ủi Frantz và lên với hẳn rằng ngày này sang nam cư lại chỗ này thì đâu có đo. Frantz y lời ra đi.

Nhưng không kịp nữa rồi. Meaulnes đã nghe thấy tiếng hu trong buổi chiều tà. Mấy hôm sau thì chàng ra đi để ước với em trai vợ. Yvonne ở lại nhà, âm thầm không một lời oán trách. Vì chính nàng đã khuyên chồng ra đi.

Nhưng lúc Meaulnes bỏ đi thì Yvonne đã có mang và đến mùa đông thì sinh được một đứa con gái. Yếu sức, nàng không chống được với số mệnh. Vào lúc khai trường thì nàng mất.

Seurel tìm thấy một tập nhật ký của Meaulnes mới hiểu tại sao mà bạn phải ra đi. Khi ra trong khi ở Ba-Lê, đứng trước tòa nhà do Frantz chỉ để trông ngóng, Meaulnes gặp một thiếu nữ cùng đến đó chờ đợi ai. Hai người quen nhau; một chút tình yêu thoáng qua. Hai người đính hôn và đưa nhau về nơi thôn dã. Một sự tình cờ làm cho Meaulnes hay rằng thiếu nữ đó chính là Valentine vị hôn thê của Frantz. Tức giận chàng trách móc nàng. Valentine buồn rầu bỏ ra đi đi Meaulnes cố tìm kiếm mà biệt vô âm tín. Cho nên lúc nghe tiếng gọi của Frantz chàng phải ra đi chẳng những vì nhời hứa trước mà còn vì chàng có một lỗi lớn phải đền bồi.

Đưa con lên một thì Meaulnes giờ về. Chàng đã tìm thấy Valentine và Frantz, nhưng hạnh phúc của chàng thế là tan vỡ.

«...Tôi (Seurel) tiến lại phía anh ta, lẳng lặng ôm lấy anh mà khóc. Anh ta hiểu ngay:

— Nàng chết rồi phải chăng?

Rồi anh ta đứng yên như điếc, im lặng, ghê gớm. Tôi nắm lấy cánh tay đưa anh vào trong nhà. Giờ đã sáng rõ. Muốn cho câu chuyện thảm thương chóng xong ngay, tôi dắt anh lên cầu thang vào buồng người đàn bà bất hạnh. Vừa vào, anh quỳ ngay xuống trước gương, hai tay ôm lấy đầu như thế rất lâu.

Rồi anh đứng dậy, mắt chùng chùng, người loạng choạng, không còn biết là ở đâu nữa. Tôi phải mở cửa dắt anh sang buồng đưa con gái nhỏ của anh. Con bé đã tỉnh dậy trong khi vú nuôi nó xuống dưới nhà, đánh banh ngồi yên trong chiếc nôi. Chỉ vừa thấy đầu nó với vẻ mặt ngạc nhiên quay về phía chúng tôi.

— Đây con gái anh đây.

Meaulnes giật mình, nhìn tôi.

Rồi anh ôm con, nhắc bổng nó lên. Anh khóc nên không nhìn rõ con mình. Muốn cho tôi không để ý, anh quay lại phía tôi, đầu cúi xuống, tay vẫn ôm chặt lấy con.

— Tôi đã đưa hai người kia về rồi... Chốc nữa đến mà thăm họ ở chỗ nhà họ ở.

(Xem tiếp trang 22)

TÌNH HÌNH TIÊU CÔNG-NGHỆ DÔNG-DƯƠNG TRONG HAI NĂM VỪA QUA

VŨ ĐÌNH HÒE

Xét tình-hình tiêu-công-nghệ Đông-Dương trong hai năm vừa qua mà chỉ bằng cứ vào những hàng trưng bày trong các kỳ thi và hội chợ vừa rồi thì thật là một việc sơ sai quá. Vì, như trên đã nói, những hàng đó hầu hết là những thể phẩm chỉ có một giá-trị rất tương đối và trong nhất thời. Ngay cả đối với những hàng này, sự xét đoán cũng không có gì là rành rọt vì không được lập do những tài liệu chắc chắn. Ta không biết rõ số người sản xuất mỗi thứ hàng đó, không biết số hàng sản xuất hàng tháng cùng sức sản xuất của mỗi nhà công-nghệ, thì ta còn biết làm sao được sự quan-trọng của những công-nghệ mới về phương-diện kinh-tế!

Phần thứ hai — mà là phần chính — là xét hiện tình những hàng cũ, những hàng cổ-điển hoàn toàn Việt Nam của nền tiêu-công-nghệ. Ta muốn biết ảnh-hưởng chiến-tranh đối với những công-nghệ đó thế nào; ta muốn biết những bước khó khăn, sự tiến bộ hoặc suy bại của những công nghệ đó, để rõ sự quan trọng của chúng trong nền kinh-tế bây giờ và sau này. Thật là một việc vô cùng khó khăn, vượt qua sức lìm tòi của cá-nhân.

Hai công-nghệ quan trọng nhất xưa nay là nghề dệt và nghề đan thúng mủng.

Miền trung-châu Bắc-kỳ có chừng 25 vạn người dùng ít nhiều thì giờ trong các nghề thủ công thì có đến 5 vạn rưỡi người làm nghề dệt và 4 vạn người làm nghề đan thúng mủng (1).

Nghề canh cửi xưa kia là một nghề căn-bản của dân Việt-Nam, sau nghề nông (đàn ông đi cấy, đàn bà dệt vải: cuộc sinh-hoạt kinh-tế của dân-tộc Việt Nam gồm trong hai việc ấy) đến thế kỷ này đã gặp nỗi khó khăn vì phải cạnh tranh với các kỹ-nghệ dệt vải và tơ lụa ở trong nước và ở nước ngoài, và phải dùng nguyên-liệu (sợi và tơ hóa học) nhập cảng; nghề giồng bóng đã hầu tiêu-diệt, nghề kéo sợi không có, nên sợi dùng là do nhà máy sợi Nam-dịnh chế ra bằng thứ bóng nhập cảng. Kịp đến chiến-tranh xảy ra, bóng nhập cảng thiếu hụt, sợi khan, nghề dệt làm vào cảnh lừng quẩn, reo một mối lo cho nhiều gia đình dân quê. (2)

Nghề dệt lụa cũng bị sút kém, song không bị kém nhiều như nghề dệt vải vì số người dệt lụa xưa nay vẫn ít hơn số người dệt vải và nguyên

(1) Theo cuộc điều-tra của Đ. Gourrou tác-giả cuốn: « Les Paysans du Delta Tonkinois ».

liệu (tơ tầm nội hóa hoặc mua của Tàu, tơ nhân tạo nhập cảng) không bị khan quá quắt như sợi.

(2) Ở một vài nơi, trong những khung cửi nghĩ dệt vải hay lụa, cũng có khung đã dùng để dệt hàng khác thay vào, nhưng xét ra số đó cũng ít lắm. Như làng Triều khúc có 4 cái bàn dệt gấm Cao-mên, 20 bàn dệt bằng mũ và 10 bàn dệt cuống mề đay, vật liệu đều dùng bằng tơ hóa học. Ở làng Vạn phúc có một nhà (1) dùng 20 khung cửi dệt vải gai cho hãng Labbé ở Saigon. Vải này dệt bằng gai, ngang bằng sợi. Hãng Labbé đưa sợi và gai. Thường thì hãng ấy đưa gai về người dệt phải thuê chắt, thuê se lại thành sợi. Vải này dùng để làm lót lốp xe hơi (2).

Nói tóm lại, nghề dệt cửi đang ở vào một tình cảnh rất khó khăn.

Phương-pháp duy nhất để cứu vãn nghề dệt cửi cùng đời sống của số đông dân quê, mà cũng là phương pháp giải quyết vấn-đề áo mặc cho dân chúng, là việc tổ chức việc dùng bóng cùng mọi thứ cây lấy sợi: đay, gai v.v. và việc giồng dáu nuôi tầm. Chính phủ đang khuyến khích việc giồng bóng. Chúng tôi mong đợi những cố gắng to lớn của chính phủ và tư nhân.

Không kể những kẻ tham những mối lợi không chính đáng, nhiều nhà tư-bản và doanh-nghiệp hiện có dư thừa không biết làm gì, tưởng nên soay về với điền thổ và hoạt động trong một địa hạt mà ta hy-vọng sẽ giữ được địa vị vinh quang và lâu bền. Tơ hóa còn dành cho ta nhiều đất để khai khẩn. Công việc giồng giọt là một ngành kinh tế dùng đến ít máy móc nhất mà chỉ dùng nhiều sức người một động lực không thiếu ở nước ta. Chỉ cần một chỉ kinh doanh mạnh bạo. Và sự bảo trợ của chính phủ trong lúc đầu, để được hưởng những sự dễ dàng trong công việc khai

(1) Ông Nguyễn Văn Hiến, được một trong hai giải thưởng lớn nhất về kỹ thi tiêu công nghệ ở Âu-trĩ viên Hà-nội hồi tháng chạp tây năm ngoái.

(2) Những con số ở đây vì một lẽ riêng không đáng được.

phá và sau này để tránh sự cạnh tranh của những nguyên liệu (bóng ngoại quốc, tơ nhân tạo) và các hàng vải lụa nhập cảng.

Muốn cho nghề dệt sau này có thể thịnh vượng được lại còn phải cố gắng cho hàng được đẹp như các hàng của kỹ-nghệ xuất sản. Các thứ « vải ta » từ xưa đến nay trông mặt vẫn thô kệch lắm tuy không kém bền, có phần còn bền hơn « vải tây »,

Nếu cứ để nghề dệt trong tình trạng ấy, thì dù có nguyên liệu di nữa, dù có một chính sách quan thuế bảo trợ, cũng sẽ bị đào thải. Vậy phải cạnh tân những khung cửi, những lối ngâm sợi, chuội vải, ngả màu. Hoặc thay hẳn công nghệ dệt bằng kỹ nghệ dệt, dùng máy móc tinh xảo. Nhưng đó lại là vấn-đề khác. Xét sự có thể làm được (và có nhẽ nên làm nữa, vì theo ý kẻ viết bài này, nên lập kỹ nghệ kéo sợi mà giữ công nghệ dệt hơn là lập kỹ nghệ dệt) thì việc trên hẳn là dễ dàng hơn.

Không những là dễ dàng hơn mà kết quả có thể tốt đẹp. Những hàng tơ lụa do thợ ta dệt ở vài làng Hà-đông bằng tơ nhân tạo ngoại quốc chừng thực sự tiến bộ của nghề dệt lụa khi người ta chịu cố gắng để cải thiện dụng cụ và các phương tiện sản xuất. Những thứ hàng sợi Moncay của khách trú dệt so cũng không kém mấy những vải dệt bằng máy nhập cảng.

Hiện nay thì nghề dệt vải của ta vẫn thô sơ như ở thế kỷ trước, dụng cụ và lối dệt không thay đổi tí gì. Người ta chăm nhiều đến nghề dệt tơ lụa mà sao những hẳn công nghệ dệt vải là một nghề căn bản của dân quê. Đó là một điều đáng phân nan.

Nghề đan các đồ thúng, mủng, nong, mẹt, bao, bì, bồ, sọt, túi, bị, chiếu, màn, nón, quạt, áo to, ghế ngồi... bằng tre, nứa, mây, song, coi, lá gồi được may mắn hơn vì nguyên liệu trong nước có nhiều và không sợ các hàng, cạnh tranh nhờ ở tiền sản-phí rất hạ và các thứ hàng có tính

cách hoàn toàn Việt-Nam cũng không sợ sự chiếm đoạt của kỹ nghệ: những thứ hàng này không phải là hàng của máy móc. Cho nên nghề đan có nhiều điều kiện thuận lợi để tồn tại và phát đạt. Thế mà nghề này xưa nay vẫn không được người ta chú ý đến mấy, trừ một vài thứ đồ (corbeilles) hay lồng hoa quả vẫn thường trưng bày ở các kỳ đấu xảo bắt chước những kiểu đồ dùng nhỏ bằng « miến liễu » (osier) của ngoại quốc.

Tôi đã được trông thấy ở một tư-gia những bộ sập đan bằng song và mây trông thanh-nhã mang đi nhẹ nhàng, nằm vừa êm lại vừa thoáng mát thật hợp với khí hậu nóng bức ở xứ ta. Những bộ sập ấy là do chủ nhà, khi làm việc ở một tỉnh đường ngược gọi thợ về nhà làm theo kiểu về lấy, đến nay đã được đến 20 năm rồi mà vẫn chưa hỏng. Tôi lấy làm lạ là sao chưa có nhà công nghệ nào nghĩ ra làm những lối giường sập bằng song và mây như thế để thay những giường lò so đắt tiền, kèn càng, nặng nề và những khi nóng bức (ít ra là sáu tháng trong một năm) là người ta phải bỏ nò lù lù giữa nhà trong khi vợ chồng con cái giai chiểu nằm xuống sàn gác! Những sáng kiến ấy phải do những bộ óc thông minh và có học. Nhưng những người này đôi khi họ có kinh-doanh về công nghệ là họ chỉ nghĩ đến làm những thứ hàng kiểu Âu-Mỹ để bán cho một hạng người sang trọng. Ít khi họ nghĩ đến những thứ hàng dân dị, vừa tiền để bán cho đại công chúng, và thu lại nhiều không nhờ ở giá bán cao mà nhờ ở sự tiêu thụ rộng.

Người ta làm những bàn ghế bằng sắt mạ kền lúc mới thì sáng loáng như những bó sà lông chiếu trên màn ảnh nhưng chỉ dam tháng sau, là những mảnh kền long lở, để tro những đóng sắt hoen rỉ! Những tai năng ấy sao không đem áp dụng vào nghề làm bàn ghế bằng song và mây để thay đổi những kiểu cho tiện lợi, đẹp mắt và hợp với những sở thích mới và bán cho một số khách hàng đông đúc hơn? Sự lãnh đạm

của phái kinh doanh có học đối với những công nghệ của ta ngay về mặt công việc cũng là một điều đáng tiếc

Lại đến nghề dệt chiếu của ta nay cũng bị người Tàu chiếm mất một phần lớn. Những thảm, những chiếu bằng cối tiêu thụ ở trong nước cũng đã nhiều, nhưng số xuất cảng ra ngoại quốc lại nhiều hơn. Tuy có thợ công-nghệ dệt chiếu ở những vùng duyên hải: Ninh-bình, Nam-định, Thái-bình, Kiến-an nhưng phần sản xuất nhiều nhất là do những xưởng to của khách trú ở Phát Diệm (1) (Ninh-Bình). Những chiếu họ dệt đều gửi sang Hong Kong rồi ở đấy Tổng cục của họ gửi đi bán khắp các nước nói là chiếu của Trung Hoa! Trước tình thế ấy, chính phủ Đông-Dương muốn giữ mối lợi cho xứ Bắc Kỳ, đã ra lệnh cấm xuất cảng chiếu sang Hồng-Kông. Nhưng các chủ khôn ngoan không gửi chiếu nữa mà gửi cối dệt nước, thành ra xứ Bắc-Kỳ thiệt mất số tiền công làm chiếu, nên lệnh trên lại bãi đi (1). Xem thế thì thật là mối lợi của mình mà để người ta chiếm mất, và cứ như thế thì rồi tất cả những công nghệ nào có thể phát đạt rồi cũng bị rơi vào tay kẻ khác! Những thứ vải Moncay đã nói ở trên có lẽ một ngày kia sẽ thay các hàng vải của ta dệt, giá bán đã tương tự như nhau, nếu một đảng của mình cứ giữ vẻ thô kệch, một đảng của họ nhỏ mặt, mịn màng lại có thêm kiểu hàng (chon và ba màu: trắng, nâu và đen) mà ta ưa chuộng.

..

Những quan sát ở trên thật còn thiếu thốn lắm nhưng cũng đủ chứng tỏ điều này: trong hai năm vừa qua, phong trào tiểu công nghệ tuy có mạnh, tuy có vì tình thế khó khăn gây bởi chiến-tranh kích thích óc tìm tòi và chỉ thực nghiệp, nhưng nếu chỉ trông ở những hàng mới và những công nghệ mới mà vội kết luận ở sự tiến bộ và phát đạt của nền công-nghệ Việt Nam thì thực là một sự lạc quan thái quá. Hầu hết những hàng đó là những « thể-phẩm » tìm được để thay những ngoại hóa cần dùng. Ngẫm nó, ta vui vẻ nhận thấy sự khéo bắt chước và khéo thích dụng của người mình, nhận thấy trong những nhà công nghệ mới đã có một số thanh niên tri thức, nhận thấy một vài thứ hàng có thể có địa vị kinh tế lâu dài. Nhưng ta phải công nhận hầu hết những hàng đó chỉ có một giá trị tương đối và trong nhất

thời. Trái lại xét đến tình hình những nghề cả bản của nền tiểu công - nghệ Việt-Nam, những nghề nuôi sống một phần lớn dân chúng, ta nhận thấy hai điều đáng quan ngại:

— Nghề dệt, nhất là nghề dệt vải hiện thời lâm vào cảnh cùng quẫn vì thiếu nguyên liệu, và hậu vận của nó cũng mờ tối vì nó vẫn còn ở trong một tình trạng cổ sơ.

— Những công nghệ khác đều không tỏ một dấu hiệu gì phát đạt, vì hoàn toàn thiếu tổ chức.

Lúc này là lúc chính phủ đang mưu tính những kế hoạch khuếch trương công-nghệ

Chương trình khuếch trương công-nghệ phải vượt hẳn một vài phương sách lâm thời và chi phối do một quan niệm bao quát cả nền kinh-tế Đông Dương.

Có hai phần trong chương trình ấy: khảo sát và tổ chức,

Việc khảo sát dự bị cho việc tổ chức. Cần phải biết rõ tình hình hiện thời của các công-nghệ mới và cũ, số người hoạt động trong mỗi nghề ở mỗi khu vực, số hàng sản xuất hàng tháng, sức sản xuất của mỗi nhà công nghệ, lượng số và nơi xuất sản nguyên liệu cần dùng, số hàng tiêu thụ. Những tài liệu ấy sẽ cho thấy sự quan trọng về phương diện kinh-tế và xã-hội của mỗi nghề cũ và mới, sẽ cho thấy những nghề mới nào có hậu vận phải được khuyến khích, có những nghề cũ nào suy bại nhưng không thể dễ tiêu diệt được mà phải cải thiện và nâng đỡ. Ở Bắc-kỳ đã có từ hai năm nay một ban tiểu-công - nghệ và rồi đây sẽ lập những tiểu - ban địa - phương. Chúng tôi mong, ngoài việc tìm tòi và liên lạc với những nhà công nghệ, những ban này sẽ khảo sát cận kề các nghề và thu thập những tài liệu, nhất là những con số. Sự khảo sát ấy không những chỉ thực hành trong các công - nghệ mới mà lại còn thực hành trong các công-nghệ, « cổ điển » của ta: đó mới thực là phần chính. Một cuộc điều tra như thế làm cần thận theo một phương pháp khoa học, thì thực quý giá không biết chừng nào.

Phần thứ hai trong chương trình khuếch trương công-nghệ là phần-Tổ chức. Chúng tôi nhìn thấy phải có ba cơ quan; một cơ quan chỉ-huy những cơ quan thực hành và một cái quỹ.

Cơ quan chỉ-huy gồm có các nhà c ình-trị và những nhà chuyên môn để lập một chương trình hành động công việc là:

— Trước hết chia rõ địa phận công-nghệ và kỹ-nghệ để tránh sự chiếm đoạt của kỹ-nghệ trong các ngành hoạt động của công nghệ thí dụ

(1) Theo Ô. Gourou.

(2) Những xưởng này hiện nghỉ làm việc

nghề dệt vải, ấn định sự liên lạc giữa kỹ nghệ với công nghệ.

— Định những phương kế bảo trợ (quan-thuế tự cấp, cho vay) cùng cách bảo trợ đối với mỗi nghề.

— Nghiên cứu và giải quyết những vấn đề về nguyên liệu, dụng cụ, tiêu thụ các hàng công-nghề.

— Hướng dẫn và giám sát những cơ quan thực hành.

Những cơ quan thực-hành là những hợp-tác xã công-nghề. Chỉ có lối tổ chức này mới có thể gây sức mạnh cho các thợ công-nghề. Nếu cơ quan trên lập nên do sự cố gắng của chính-phủ, thì những cơ quan này phải cần sự giác-ngộ và sự cố gắng của tư-nhân. Hợp-tác-xã không phải là một thứ hàng hoàn toàn mới ở nước ta vì ta đã thấy một vài hợp tác xã sản xuất và tiêu-thụ. Nhưng « óc hợp-tác-xã » thì thực chưa từng thấy trong đám thợ công nghệ nước ta. Vậy phải trông đến lớp thanh-niên có học đĩnh ra chủ trương phong trào này nghĩa là phải có những nhà công nghệ có óc mới và có thực tâm dìu dắt những bạn cùng nghề, với sự giúp đỡ của chính-phủ.

Chỉ có lối tổ chức bằng hợp-tác-xã mới có thể tìm được vốn, mua được nguyên liệu rẻ, dụng cụ mới, tiêu thụ được hàng một cách có lợi. Chỉ có lối ấy thì phương pháp sản xuất mới có thể cạnh tranh được.

Cơ quan thứ ba là Quỹ tiêu-công-nghề để giúp đỡ công nghệ bằng cách cho vay. Nhưng sự kinh nghiệm cho người ta biết phương pháp này chỉ có hiệu quả khi công nghệ đã có tổ-chức, nghĩa là khi áp dụng đối với những hợp-tác xã công-nghề. Vì vậy cơ quan thứ hai thực là quan trọng. Không có nó thì quỹ công-nghề đâu có (sự thực quỹ công-nghề ở Đ. ng Dương đã lập từ năm 1940 mà hiện giờ vẫn chưa hoạt động) (1) cũng không thể cho từng cá-nhân vay được nhất là khi cá-nhân ấy lại là một người thợ, không có đảm bảo gì và thường là không có học.

Quá đi nữa không có hợp-tác-xã thì cơ quan thứ nhất cũng không thể lập được, vì lẽ một chính sách hay đến đâu cũng không thể thực

Một đạo nghị-định mới (18-3-43) định rằng (1) từ nay các nhà bình-dân ngân hàng (office du crédit populaire) có thể cho các nhà tiêu-công nghệ vay tiền, nhưng bắt buộc họ phải thế chấp văn tự nhà đất hoặc vật liệu hoặc vốn buôn hoặc các thứ có thể đảm bảo chắc chắn về món tiền vay. Nhưng ta thấy ngay rằng sẽ rất ít thợ công-nghề có thể theo được điều kiện trên nếu họ còn hoạt động riêng biệt từng người.

hành được nếu những người thừa hưởng không có một tổ chức gì. Thành ra vấn đề quan-hệ vẫn là vấn đề cá-nhân và trong đó ta lại thấy một trách-nhiệm của lớp thanh-niên tri-thức.

Chúng tôi đã làm một sự ngóng cuồng là bàn đến một việc to lớn, vượt hẳn tài mon của mình, một việc mà chỉ các nhà chính-trị sang suốt và có công tâm, công sự với các nhà chuyên môn về kinh-tế, mới giải quyết được.

Chương trình khuyến khích thương mại nền kinh-tế, có quan hệ đến phương diện xã-hội của một dân tộc có phai tìm được do sự nghĩ ngợi của một vài cá-nhân, nó phải lập nền tảng trên những thực-sự được khảo sát kỹ lưỡng và những kinh nghiệm chính-trị và kinh tế!

Song kẻ viết bài này đã lăm bần là vì cảm thấy rõ ràng hai điều: một là sự cần thiết của một chính sách kinh tế, chính sách tiêu-công-nghề, nó phải vượt lên trên hẳn những phương sách lâm thời; hai là nếu không có một chính-sách kinh-tế thì một cuộc hỗn độn kinh-tế sẽ không thể tránh được sau tình-thế đặc biệt này.

VŨ ĐÌNH HÒE

SÁCH MỚI

Chúng tôi nhận được :

1.) « Thanh-niên với thực-nghiệp » của Lê Văn-Sieu — Hàn-huyên xuất bản — giá : 2\$00

2.) « Thu » Thơ của Đỗ cầm Văn Nguyễn Du xuất bản, giá : 2\$50.

3.) « Hương xuân » thơ của Vân-Đài Hằng phương Mộng Tuyết, Anh Thơ — Nguyễn Du xuất bản giá 1\$65

4.) « Đại-việt triết-học lịch-sử » của Nguyễn sĩ Đạo — Tân-Hóa xuất bản — giá 0\$50.

5.) Les fables de la Fontaine thơ ngụ ngôn Nguyễn-văn-Vĩnh dịch — thư xã Alexandre de Rhodes xuất bản. Giá 1\$00

6.) Nhân loại tiến hóa sử, của Nguyễn bách Khoa Hàn Thuyên xuất bản. Giá 1\$80

7.) Giông thác lũ, thơ của Nguyễn Tố và Nguyễn Tuất. Giá 2\$00

8.) Chu kỳ h Tr'nh của Trúc Khê và Tiên Đàm Cộng lực xuất bản, giá 1\$00

9.) Tuổi ngáy thơ, sách Hoa Mai Cộng Lực.

10.) Vệ sinh của bác sĩ Trịnh Văn Tuất, hội Truyền bá học quốc ngữ xuất bản giá 0\$30

11.) Quán biên thù, kịch thơ của Thao Thao.

Trân trọng cảm ơn các nhà gửi tặng và xin giới thiệu với các bạn đọc T. N.

Trách nhiệm cha mẹ

CON trẻ là xã-hội của tương-lai. Nếu người ta thường săn-sóc để sức khỏe của đoàn-thề, nếu người ta coi là cần phải có những hội bảo-anh, những đoàn thể-dục, những đường đường, những bệnh-viện, v. v... thì có một công việc đáng làm hơn hết là tìm đến nguyên-nhân của bệnh-tật để kiếm cách bồi bổ ngay trước khi bệnh-tật xuất-hiện. Lễ tất-nhiên, tìm đến nguyên nhân của bệnh-tật là bổn-phận của các vị lương y. Nhưng làm cha mẹ, nuôi nấng, dạy dỗ các con chưa đủ, khi các con đau yếu, bệnh-tật, tìm thầy chạy thuốc cũng chưa đủ. Cha mẹ còn có một bổn phận thiêng-liêng là phải sinh ra các con cái khỏe mạnh, tình anh em sau này không gánh vác công việc cho đời. Hy vọng của gia-đình, hy vọng của xã-hội trông mong vào đó. Không khác gì một nhà nông reo mà phải tìm hạt giống tốt, chứ dùng hạt lép thì sau này mong gì mùa màng phong-phú.

Đó là việc săn sóc đến con cái khi con còn trong trứng.

Nhưng khi sinh con, còn cần phải biết cách trông nom, nuôi nấng: nếu không lại cũng chỉ như nhà nông kia, reo được mạ tốt mà không biết vun sới để cho cây lúa gầy và dần-mòn. Như thế có mầm giống tốt thì cũng chẳng ích-lợi gì. Vậy thời, bổn-phận của các bạn trẻ nghĩ đến tương-lai của nòi-giống, chia ra hai thời rõ rệt: lúc chưa có con và sau khi, sinh con.

I. — Lúc chưa có con.

Như trên đã nói, cần phải làm sao gây được nòi-giống tốt. Muốn thế, lễ tất-nhiên phải giữ cho trong người vô bệnh. Nếu câu phương-ngôn: « Một tâm-hồn trong-sạch trong một tấm thân trong-sạch » là đúng, thì càng đúng hơn nữa nếu ta nói « chỉ những người khỏe mạnh mới sinh con khỏe-mạnh ». Nhưng tiếc thay, một điều dễ hiểu như thế mà nhiều người không muốn hiểu.

Con cái tinh-anh, « hay ăn chóng lớn » đó là một điều ước chung của các bậc làm cha mẹ. Khổ nỗi, người đời thường làm ngược với những điều ước muốn mà không hay!

Nhiều người, nhất là những hạng thiếu-niên, thường đem hủy-hoại thân mình mà không biết. Như thế, còn mong gì sau này sinh con, để cái cho ra người nữa.

Đem hủy hoại sức khỏe như thế bằng nhiều cách; a) Bằng các bệnh phong-tình. — Tôi chỉ nói đến hai bệnh thường hay gặp nhất là bệnh giang mai và bệnh lậu.

Tôi tưởng nói ngoa, nếu bảo rằng bệnh giang-mai là một bệnh rất thảm-khốc đối với gia-đình và xã-hội. Ta không cần nói đến những nỗi đau đớn nhục-nhẫn của người mắc bệnh. Đó là cái kết-quả tâm-thương của sự lầm lỗi một thời. Nếu không biết chạy chữa; ảnh hưởng về con cái xấu xa không biết đến đâu mà lường. Trước hết, một người mắc bệnh giang-mai có thể không bao giờ có con, hoặc có chữa, nhưng chỉ đẻ non, đẻ rớt mà thôi. Trong các bệnh làm cho người ta không con, thì bệnh giang mai đứng hàng đầu. Đó là một mối hận cho gia-đình. Nhưng có một điều đau đớn hơn, là nhiều khi sinh con không ra hồn người; hoặc đui mù, tàng-tật, hoặc dần-độn, ngu

bùng đa chỉ thì còn làm sao sinh ra được con cái khỏe-mạnh nữa. Cái kết-quả ác-hại là nòi-giống một ngày một hèn-yếu.

II. — Đến khi có con.

Đến khi có con, người ta phải biết cách nuôi-nấng. Biết nuôi con, bạ lúc nào cũng cho con bú, cho ăn, cho mát tay, cho ngậm vú cao-su v. v... Biết nuôi con, không phải lúc ốm đau đi lễ thần cúng thánh, hoặc cho uống thuốc nhảm, gắp đầu hay đó, nhiều khi có hại cho bộ máy non nớt của trẻ-con hơn là không dùng thuốc. Vốn biết, sinh con ai chả có lòng thương con, nhưng nên biết thương cho phải đường.

Tôi thường được mục-kích những cảnh-tượng thương-tâm là thấy nhiều gia-đình hiềm-hoi, giận có, và cũng chỉ vì giàu có, sẵn tiền chạy thuốc mà làm chết oan con trẻ vì ngộ hại thông-thương của các con nhà trưởng-giả người Nam. Còn cái hại nữa, mà ngay các nhà tri-thức cũng không tránh khỏi, là không biết dùng thuốc tủy. Nói thế không phải là tôi có ý tư-vị gì đâu. Có những sự thực hiển-nhiên ta không thể nào nhắm mắt mà không chịu trông thấy.

Ai không biết dùng đậu sẽ tránh khỏi bệnh đậu mùa, nhưng nếu không bị bắt buộc, chắc ít ai

hiều thuốc, ít người muốn tin. Tôi đã được thấy cái thảm-trạng như sau này: trong một gia-đình chín người con thì cả chín có tràng nhạc (tây gọi là lao hạch) chỉ vì người cha mắc bệnh lao. Rồi thì, một ngày kia một đứa con chết vì bệnh lao phổi, đứa khác vì lao màng óc, vân vân... cho đến chín đứa con chỉ còn có hai. Mồ-tin người cho trong nhà có tràng bắt hoặc mà làm. Nhưng đối với mắt nhà học-thuốc thì tràng đây chỉ là tràng-lao. Muốn tránh cái thảm-trạng ấy thì chỉ có một cách là khi mình đã mắc bệnh lao, lúc sinh con, nên nuôi riêng-biệt ra một chỗ.

Còn biết bao nhiêu điều vệ-sinh khác, rất tầm-thường mà nhiều người không muốn hiểu. Một đứa trẻ cho ăn luôn mồm, lễ tất-nhiên sẽ đầy bụng mà sinh ra đi rữa. Muốn khỏi, nên cho ăn ít đi, ăn ra bữa; nhưng nhiều người không chịu nghe, chỉ thích cho con uống thuốc, lắm khi thuốc cũng vô hiệu. Tôi đã thấy lắm người đi vào một con đường luân-quần rất buồn cười: con một bà đến bữa không chịu ăn, có tại sao đau, chỉ tại ngoài bữa cơm ba hay cho ăn quá. Bỏ quá, bà không muốn, muốn cho con uống thuốc. Nhưng cơm nó vẫn chẳng chịu ăn. Bà chiều con, lại cho ăn quá. Cứ loanh-quanh, luân-quần như thế mãi, hết quá lại ăn quá thích hơn. Có phải dạ dày nó kém đâu. Nhưng quanh-quẩn mãi, rồi một

KHỎE CỦA CON CÁI

BÁC SĨ VŨ CÔNG HÒE

chịu chủng chỉ vì có một cơ thể con là hơi sầy da và rướm máu! Tiềm trử thương-hàn thì sợ sốt! Nhưng sao không biết nghĩ, sốt một vài tiếng đồng-hồ chẳng hơn năm một hai tháng gời đề lúc nào cũng lo ngay ngáy thấy cái chết rình bên cạnh! Tiềm trử bệnh dịch-tả, bệnh đau yết-hầu, vân vân... đại-khải cũng như thế cả, tuy có làm cho con-trẻ đau, sốt ít nhiều, nhưng mang lại một cái kết quả chắc chắn là tránh được những bệnh nguy-hiểm chết người.

Riêng nói về bệnh lao, ta gặp một trường-hợp đặc-biệt mà nhiều người cần nên biết: trẻ-con mới đẻ, nuôi xa bố mẹ mắc bệnh lao thì thường không việc gì cả. bệnh lao là một bệnh hay lây, nhất là đối với trẻ con lại càng dễ lây. Không lây tự máu, mà lây tại sòng chung đụng lâu ngày trong một chỗ. Nếu không phải người học thuốc,

ngày kia dạ dày nó dần bị hư vì quá vui thuốc. Người nó sẽ gầy còm yếu-đuối. Chính vì thương con mà làm hại sức khỏe của con đấy.

Những thí-dụ tương-tự kẻ không sao kể. Vậy thời bổn-phận làm cha mẹ có phải thương con là đủ đâu, nên biết thương cho phải đường. Một dân-tộc muốn được cường-tráng về thân-thể cần phải có những trẻ-con cường-tráng đã. Cái nhanh-nhẹn, cái thông-minh, sẽ nảy-nở trong những tấm-lành khỏe mạnh. Khi đã có con, ta cần nên hiểu cái trọng-trách làm cha mẹ. Cái trọng-trách đó, không phải nuôi con an no, mặc ấm, không phai đèn lục no đau ốm, cù cút-kém tìm thầy chạy thuốc lang-quang, đe dọa lục, nêu chàng may, con nam lan ra chết, cho thế tự nó được rằng: « ta đã hết công chạy chữa cho con, nếu nó không khỏi là tại số ». Không, ta không

thề đồ vạ cho số-phận, cái kết-quả không hay của những sự ngu-muội ta đã làm. Muốn chứng-thực lời tôi vừa nói, tôi xin kể lại một câu chuyện thương-tâm mà tôi đã gặp trong nghề làm thuốc:

« Một nhà kia hiếm-hoi, những con đầu lòng toàn con gái, sau cùng mới sinh được một mụn con trai. Nưng-niu, trầu-miến đã dành ? Nhưng kiêng-khem đến nỗi không dám mở cửa cho không khí và ánh-sáng lọt vào trong nhà, đến nỗi không dám tắm rửa sơ ngấm « khí lạnh » (?) vào người trẻ-con, kiêng gàn dở đến sinh ra bần-thủ ! Rồi thằng bé con sáu tháng, một ngày kia sinh ra ghê. Hỡi tôiu tôi bảo phải tắm rửa, và cho một thứ thuốc ghê nhẹ, thích hợp với da non nớt của trẻ con. Nhưng bố mẹ nhất định cho con mình sạch không thể ghê được, và không chịu theo đơn. Bảo nó sần (?), rồi ông lang bôi thuốc sần cho nó. Mười hôm sau người nó đỏ rực cả lên và khắp mình đầy những mụn có mủ. Không khác gì một người phải bỏng lại thêm mủ đầy người. Như thế hỏi một đứa trẻ sáu tháng còn sống làm sao cho được, Tôi hỏi xem thuốc sần (?) là thứ thuốc gì, hóa ra diêm sinh tán nhỏ pha lẫn với gì nữa không biết. Nhưng một điều chắc chắn là thuốc ghê (pommade soufrée) của thuốc tây, da trẻ non không chịu được chất diêm sinh, tấy đỏ lên, vi-trùng nhờ đó ăn vào sinh ra nhọt mủ. Khi khắp mình như thế thì trẻ con phải chết.

Ấy đấy, chết vì bệnh ghê, như thế thì có ai tin nhưng đó là chuyện thực. Chết một cách vô lý như thế, kẻ làm cha mẹ không thể đồ lỗi cho số phận được. Lỗi tự mình ngu muội mà thôi.

Còn biết bao nhiêu đứa trẻ khác. cái kết-quả không đến nỗi thảm-khốc như thế, nhưng lắm khi, tự không biết chạy chữa phải đường, mà sinh ra yếu đuối, tàn tật. Sau này lấy sức đâu mà tranh sống với đời !

Không nói xa xôi đến cuộc tồn-vong của đất-nước, của giống nòi, nói gần ngay đến cuộc sinh sống hàng ngày, con cái không trông mong vào sự gây dựng của cha mẹ thì còn trông mong vào đâu ! Mà cái khi-giới mạnh nhất, chắc chắn nhất không phải cái sức khỏe của những bắp thịt nở-nang, của hai bàn tay cứng cáp, thì còn là gì ? Ai bảo cái thông minh, cái linh lợi không theo những bắp thịt mà cũng nảy nở. Cái sức chiến-dấu cang tang gặp bọ.

Có thể mới đủ bần phận làm cha mẹ, và cái bần phận đó mới có thể gọi là thiêng liêng được. Bao giờ kẻ làm cha mẹ cũng phải tự bảo : « ta không có quyền ném vào đời những đứa trẻ tàn tật, ngu si. Như thế, nghĩa là mang tội cả với gia-đình lẫn với xã hội ».

Bác-sĩ VŨ-CÔNG-HOÈ

BA CUỐN TIỂU THUYẾT ≡ PHÁP HIỆN ĐẠI ≡

(Tiếp theo trang 15)

Ngay sáng hôm đó, tôi ra đi, tự lự, tưởng như sung sướng. Đi về phía nhà của Frantz mà ngày xưa Yvonne đã chỉ cho tôi. Từ xa đã thấy một người đàn bà có vẻ một bà nội-trợ, trẻ măng, cổ áo có viền, đường quét cửa Mấy đứa trẻ chầu bò ăn mặc bảnh bao, đi lễ nhà thờ qua đó tò mò vui thích đứng lại xem.

Nhưng con bé bị ôm chặt, hơi phật ý. Meaulnes nghiêng đầu để dấu nước mắt. giữ cho không chảy xuống nữa. Con bé thấy bố không nhìn bèn giơ bàn tay nhỏ nhắn tát vào mồm râu ria xồm soàm và ướt những nước mắt.

Lần này thì người cha dơ bồng con lên, để cho con nhẩy trên tay, nhìn nó cười. Con bé thỏa thích vỗ tay ..

Tôi lùi lại một ít để nhìn cả hai cho rõ. Tuy hơi bất mãn tôi cũng ngạc nhiên thú vị vì tôi vừa hiểu rằng con bé vừa tìm được người bạn nó vẫn đợi chờ mà không biết.... Anh Meaulnes cao đề lại cho tôi có một cái vui thì bây giờ anh lại giữ lại lấy mất Tôi tưởng như trông thấy anh ta, trong bóng tối quần con bé vào chiếc áo loi quàng, cùng với con ra đi tìm những cuộc phiêu-ưu mới lạ.

LÊ HUY VĂN

HỘP THƯ TRỊ-SỰ

Số báo này, chúng tôi đã đình gửi báo cho một số đồng độc giả tuy đã nhận được thư riêng đòi tiền, mà vẫn chưa gửi trả hạn báo còn thiếu. Hôm nay chúng tôi lại nhắc thêm một số bạn-độc nữa hết hạn báo từ số sau, mong các bạn sớm gửi tiền về để sự gửi báo hầu các bạn khỏi bị gián đoạn.

TY TRỊ-SỰ

CÁC BẠN ĐÓN XEM :

KHÚC DOAN - TRU'ÔNG

của

NGUYỄN DU

@

với những lời bình luận của:

BẰNG VĂN — XUÂN D'ỆU — XUÂN V'ỆT

«NGƯỜI VIỆT» xuất bản

T IẾNG rằng trong các cuộc xung đột hằng ngày, Á Q bao giờ cũng « ăn hơn », nhưng thật ra thì mãi đến ngày và được cụ Cổ nhà họ Triệu tát cho mấy bạt tai vào mặt rồi mới nổi tiếng hẳn. Mua hai quan tiền rượu, tạ ơn bác Khán làng xong xuôi, rồi Á Q uất tức về

nhà ngả lưng xuống giường, và nghĩ bụng: « Thời buổi này hết chỗ nói! Con đi đánh bố! » Thế rồi chỉ một ý nghĩ ấy — Cụ Cổ nhà họ Triệu oai biết bao nhiêu, mà va cũng xem như là bực con! — Chỉ một ý nghĩ ấy đã làm cho Á Q nguôi dạ, và tức thì đứng dậy, và miệng hát bài « Gai hóa thắm mờ... » hờn hờ đi tới quán rượu. Trong giờ ấy, va lại có cái cảm tưởng là cụ Cổ nhà họ Triệu vẫn là một nhân vật oai vệ hơn ai hết.

Kề ra có vẻ lạ lùng, nhưng câu chuyện sau đây vẫn là sự thật. Số là từ hôm Á Q bị đánh rồi, là người làng đối với va xem chừng kiêng nể hơn trước nhiều. Thấy vậy, Á Q nghĩ bụng: hẳn có lẽ mình là bực cha cụ Cổ nhà họ Triệu, nên ai ai cũng phải nể. Nhưng thiệt ra nào có phải thế. Theo lệ thường, ở làng Mù, nếu thắng Kèo đánh thắng Cột, anh Ba đánh anh Năm, thì ai ai cũng cho là một việc thường hết sức. Nhưng nếu như có can-thiệp đến một nhơn vật « sù » như là cụ Cổ nhà họ Triệu chẳng hạn, thì mới có tiếng đồn. Lúc đã có tiếng đồn thì không những là người đánh đã có danh có giá, mà luôn cả người bị đánh cũng nhờ đó mà lừng lẫy. Còn như nói đến sự phải trái, thì ai chả biết rằng trong câu chuyện này nhất định là lỗi về Á Q? Sao mà biết? Thì chả lẽ cụ cổ họ Triệu lại đi có lỗi nữa hay sao?... Vậy nhưng nếu như Á Q có lỗi thì sao người ta lại kiêng nể va hơn trước? Nào ai biết đâu đấy? Có những kẻ xuyên tạc vào và nói: Mặc dầu Á Q chỉ vì « thấy người sang nhìn quàng làm họ » mà bị đánh, song vẫn có người e rằng lời Á Q nói cũng không sai, thì kiêng nể va chút đỉnh có lẽ cũng êm hơn. Hay là Á Q cũng như con bò thái-lao tế Thánh? Tiếng rằng nó chỉ là một con vật, nhưng nó đã được giết để lễ Thánh thì bao nhiêu tiên-nho đồ bác nào dám nói vào nói ra?

Á Q lên mặt được mấy năm ròng.

Rồi đến một hôm mùa xuân năm nọ, Á Q nằng-nặc những mùi rượu đi dạo bước trên con đường cái làng. Bên một góc tường dưới bóng mặt trời, va bỗng thấy lão Vương Hồ còn đang cởi áo ra,



minh mấy trụi thối-lủi ngồi bắt rận. Thấy vậy bắt đồ Á Q cũng nghe ngứa rân mình lên. Cái lão Vương Hồ này, vừa râu xồm, lại vừa lắm sẹo. Vì vậy mà trong làng vẫn quen gọi là lão « Sẹo Xồm ». Á Q thì đem bỏ ngay chữ « Sẹo » đi, mà chỉ gọi nó là « Xồm » không. Và lại Á Q lại khinh bỉ nó ra mặt. Cứ trong

ý từ Á Q thì sẹo là một sự rất « thương », duy chỉ cái bộ râu xồm kia mới thực là khả ố! Vậy Á Q sẽ ngồi xuống bên cạnh Vương Hồ. Kề ra nếu như một người nào khác, thì chưa hẳn Á Q đã táo gan dám ngồi ngay bên cạnh như vậy... Nhưng đối với « lão Xồm » này thì sợ gì mà chẳng ngồi? Nói cho thấu sự lẽ: Á Q chịu hạ mình xuống ngồi bên cạnh Vương Hồ như thế này là đủ vẻ vang cho nó lắm rồi!

Á Q cũng cởi mảnh áo cộc kếp rách ra, và cũng mần mó tìm tòi một lúc. Vì áo mới giặt chẳng? Vì Á Q lơ đãng chẳng? Chỉ biết rằng: mất bao nhiêu công phu mà chỉ bắt được có ba bốn con! Liếc qua bên kia thì thấy « lão Xồm » đã làm luôn một thôi ba, bốn, năm, sáu con, và cứ con này đến con khác tẹt vào rưng, cup nghe đánh bộp lên từng tiếng một!

Á Q lúc đầu thì còn thất vọng, sau lại phát cáu hẳn lên. Thì sao cái lão Vương Hồ xấu xí thế kia mà lại bắt được nhiều rận như vậy mà mình thì ít ỏi thế này! Còn gì là thể thống? Va nhất định tìm cho được một hai « chu » cho to to, thế mà vẫn không được! Tìm đi tìm lại cũng chỉ được một chú « choai » thôi. Á Q hằn hằm, nhét vào giữa hai cái môi sề, rân hết sức cup một cái, thế mà tiếng cup lại chỉ tẹt một cái thôi, vẫn không to bằng Vương Hồ!

Á Q phát bần, vạt sẹo trên đầu đồ bưng hẳn lên! Va sẽ vạt mẹ cái ao xuống đất, nhũn một bãi nước bọt đánh tặc một cái.

— Đồ họ huơ!

— Đồ chó! Mày mắng ai đấy?

Vương Hồ vừa giả lời vừa lườm ngang qua ra vẻ khinh bỉ.

Lâu nay, Á Q tiếng được người ta kiêng nể, và thường thường lên mặt, nhưng đối với tụi bưng bình trong làng, va vẫn e... Chả biết thế nào mà hôm ấy tinh thần thượng võ của va lại hang lên đến thế! Cái mặt râu qua nón xồm xoàm đồ tằm ra như mặt lão Vương Hồ kia, mà cũng dám vô lễ a?

Thằng nào nghe là chữi thằng ấy! Á Q giả lời và đứng vụt dậy, hai tay chống nạnh vào hai bên hông.

—Thằng này lại ngứa xương óng rồi hửn?

Vương Hồ vừa nói vừa khoác áo vào mình, và đứng dậy.

Á Q tưởng là nó định chuồn thốc ngay vào, giang cánh tay đưa luôn một quả đấm. Nào ngờ quả đấm chưa bén tâm, thì Á Q đã bị Vương Hồ níu ngay lấy, rút cho một cái. Á Q ngã sấp xuống, tức thì Vương Hồ lại tóm lấy cái đuôi sam, lôi tới bên tường, định chiếu lệ đem đầu va vào tường...

Á Q còn ghéech đầu lên:

— Người quân tử người ta chỉ đấu khẩu, ai đi đấu sức?

Hình như lão Vương Hồ này không « quân tử » cho lắm! Thì nó không chịu nghe, nó cứ níu lấy đầu Á Q và luôn vào tường năm cái thông, đoạn nó lại rần sức xô ra một cái thật mạnh làm cho Á Q ngã té ra đằng kia có năm sáu thước đường đất! Bấy giờ nó mới hả dạ, đắc ý ra đi.

Trong ký ức của Á Q thìet chưa hề bao giờ có một chuyện nhục nhã đến thế. Số là đối với lão Xồm kia, xưa nay Á Q khinh nó thì có chứ bao giờ nó đã dám khinh Á Q? Nòi gì đến chuyện đấm đá! Thế mà lần này,... nó lại dám nhắc chân, động tay! Ai ngờ đến thế?.. Hay là, nói như ai, đức Hoàng-đế sắp ký dấy bỏ khoa thì nên rồi, đây tú-tài cử-nhân cũng sẽ là đồ bỏ xó, và thân-thế họ Triệu nhà mình từ nay cũng không ai kể vào đâu nữa, cho nên mình đã bị xem thường xem khinh?

Á Q. chả hiểu thế nào cả....

Xa kia lại có người đi tới. Thì lại chính là kẻ thù số một của Á Q. Nó là một người mà Á Q xưa nay vẫn ghét « đứt mắt » đi được; nó lại chính là con cả Cụ Cố nhà họ Tiền. Trước đây, nó đã lên tỉnh học, rồi nghe đâu lại tuốt sang mãi tận bên Nhật. Năm năm sau, nó về nước, cái ngực ưỡn hẳn ra, và cái đuôi sam cũng biến đâu mất! Rồi mẹ nó khóc luôn mười mấy bận, rồi vợ nó nhẩy xuống giếng định tự-tử ba lần thông. Về sau, mẹ nó đi đâu cũng nói: « Cái đuôi sam kia là bị một tụi... phục rượu cho say rồi cắt mất đi đây!... Lẽ ra cháu nó đã có thể làm quan to rồi kia... Nhưng bây giờ thì đành phải chờ cho tóc dài gở lại đã rồi mới nói đến chuyện ấy! » Thế nhưng nao Á Q có chịu tin như vậy, Đến đâu là va cứ gọi cậu dò nhà họ Tiền là « Tây giả » là « Han dân! » Hề thầy mặt là chữi thàm!

Một điều mà Á Q. lấy làm thông-tâm vô hạn, là cái đuôi sam gia! Thì các ngài tỉnh: den cái đuôi sam mà còn đi đeo đuôi sam giả, thì còn gì là nhậu tỉnh nữa! Mà nói cho cùng: đều thế mà con vợ nó không biết đường nhẩy xuống giếng một lần thử

tư nữa cho chết quách đi, thì thử đàn bà ấy cũng không phải là người chính đính gì!

Lão « Tây giả » đi gần lại.

« Thằng trọc! Đồ chó! » Xưa nay Á Q thấy nó, vẫn chỉ mắng thăm trong bụng mà thôi. —

—Thế mà hôm nay chẳng biết thế nào mà luông dận « chính khi » bỗng bột lên quá độ, và muốn cho hả dạ, nên trong lúc vô tình, câu rửa của va đã nổ bùng to hẳn lên.

Ái ngờ « thằng Trọc » nó đã hăm hăm bước tới, trong tay cầm chặt bấp cả một đoạn ba toong — (Á Q vẫn gọi cái đuôi ấy là cái gậy đại tang) — Trong đây lát Á Q biết ngay là thằng be nó sẽ đánh, cho nên va triển hết gân, gù cả vai lên mà chờ... Thì quả nhiên, đốp! đốp! mấy tiếng, rõ ràng cái đuôi kia đã giáng vào đầu Á Q một thối...

« Tớ nói thằng kia kia mà! » Á Q vừa ồm ồm, vừa chỉ một đũa bé đứng bên cạnh.

Đốp! Đốp! Đốp!

Đây lại là việc nhục nhã thứ hai trong ký ức Á Q. Được một điều may là ngay lúc sau mấy tiếng đốp! đốp! đốp, thì Á Q cũng cho rằng thế là câu chuyện đã xong rồi, và va cảm thấy như là tấm thân đã nhẹ hẳn đi! « Vô tâm thật là một cái bừa bối gia truyền rất thần hiệu của Á Q trong những trường hợp này. Á Q sẽ từ từ đi tới quán rượu, xem chừng vẫn đắc ý như thường.

Trước mặt va, cô tiểu chủa Tĩnh-tu đã ở đâu đằng kia đi lại. Ngày thường cứ mỗi một lúc gặp cô tiểu này là thế nào Á Q cũng chữi bới. Huống hồ hôm nay, sau lúc vừa bị một trận nhục nhã! Á Q lại nhớ lại chuyện cũ, và tinh thần thượng võ của va lại bỗng bột hẳn lên! Á Q nghĩ bụng:

« Thì ra chỉ vì hôm nay « ông » bước chân ra cửa là gặp ngay lấy mày! Thảo nào! Hửn nào cái ngày hôm nay xúi quẩy đến thế này!

Á Q bước tới nhờ một bãi nước bọt to tướng đánh tách một cái:

— Khạc! Khờ ờ...

Cô tiểu cứ cúi đầu đi thẳng, không ngảnh cổ lại. Á Q lại bước tới bên mình cô ta, giang tay thoa ngay vào cái đầu vừa mới cạo của cô tiểu, cười gằn một cái, và nói:

— « Con trọc con, về nhanh lên, sự cụ còn chờ đấy! ».

— Việc gì mà sờ sắn ngang tàng thế kia?

Cô tiểu mặt đỏ hồng hồng, vừa nói vừa rảo bước. Bao nhiêu người trong quán rượu, đều cười ồ lên một thối. Thấy công trạng mình đã có người thưởng-thức, Á Q lại càng cao hứng, mặt mày hẳn lên:

— « Sự cụ sờ được thì tớ cũng sờ được chứ sao?

Rồi Á Q béo ngay một cái vào má cô tiểu.

Bao nhiêu người trong quán lại cười ồ lên một thối nữa. Á Q lại đắc ý.

(Xem tiếp trang 30)

ĐỌC VIỆT NAM CỔ-VĂN HỌC-SỬ' THANH-TUYỂN

II

Sự câu-thả về vấn đề phương-pháp, trong khi tập giới-thuyết, chọn quan-điểm, và lĩnh-hội những mối liên-lạc giữa các bộ-môn của sử khoa đã gây nên những sự sai lầm hoặc thiếu thốn rất đáng tiếc trong bộ Việt-Nam cổ văn học sử.

Sau khi đã đọc xong bốn trăm bốn mươi trương sách, độc giả vẫn chưa có một ấn-tượng gì cho phân minh về lịch-sử «cổ văn-học», chưa nhận được một đại-ý gì cho rõ-rệt về toàn

thể, về các thời kỳ của nền văn-học đó. Người ta những mơ màng như vừa đọc xong một tập văn tuyển viết bằng chữ Hán hoặc viết bằng tiếng ta, và sen vào với một ít bài toát-yếu về một vài đoạn quen quen trong các bộ Nam-sử mà thôi! Số là ông Đồng-Chi chưa có đủ công phu để mà phân tích, phê bình các bài văn-thơ ông đã chép lại, để tìm cho ra đặc sắc của nền «văn-học» đó, để kể cho rõ nguyên nhân, đặc sắc và mối liên-lạc của bấy nhiêu áng văn, bấy nhiêu thời kỳ. Thì ra lúc chép một bộ văn-học sử, trước hết cái «động cơ» sự biên tập, phải là chép một bộ văn-học sử mà thôi.

Chúng tôi đã nói qua về vấn đề sử liệu của bộ V. N. C. V. H. S. (1), chúng tôi không đồng ý với ông Đồng-Chi về chỗ ghép những bài văn chữ Hán vào trong một quyển sách nói về văn-học nước ta. Thực ra, trong bộ sách của ông Đồng-Chi cũng có một ít văn nôm. Nhưng giá trị của bấy nhiêu áng văn ông Đồng-Chi đã biên lại về phần lịch-sử là thế nào?

Về phần văn nôm cách biên tập của ông Đồng-Chi đã gây nên nhiều mối ngờ vực trong chí phán đoán của độc giả. Thí dụ như mấy câu ca dao, mấy câu sấm chẳng hạn. Hình như tác giả chỉ căn cứ vào những ấn tượng rất nông nổi về kỷ ức lịch sử hoặc sự nhu yếu của một mối cảm tình, của chủ quan, mà giảng giải, mà ghép câu này vào thời kỳ này, câu kia vào thời kỳ kia. Đọc đoạn văn-học sử thời Ngô, Đinh, Lê ở trương 109, ta thấy ông dẫn

mấy câu phương ngôn như là «Không khảo mà xưng...» nhưng bằng chứng vào đâu? Có những bài văn không tên, không tuổi, và muốn tìm cho ra căn nguyên thiết là khó lắm. Sấm, tục ngữ, ca dao là về hạng văn ấy. Một nhà sử học không nên gieo vào óc độc giả những ấn tượng vu vơ như vậy. Có lẽ ông Đồng-Chi chỉ muốn dẫn một vài thí dụ chẳng? Nhưng một bộ văn-học sử không phải là một bộ sách nghiên cứu về văn-pháp, về văn-phạm!

Một thí dụ nữa ông Đồng-Chi dẫn lời ông Lê-Dư và cho rằng hai câu lục bát:

«Nhiều điều phủ lấy giá gương,

Người trong một nước thì thương nhau cùng» là hai câu hát truyền từ đời Trưng-Vương đến nay. Kề ra nghe cũng «mát ruột» thiệt đấy. Nhưng cái câu hỏi «bằng cứ vào đâu?» nó vẫn cứ ám-ảnh trí phán đoán của người đọc! Ông Lê-Dư có chỉ cho ta bản sách Thế-phổ đời Trùng... Nhưng cuốn sách này viết từ bao giờ? Mấy trăm năm sau lúc hai bà Trưng ra đời? Và nếu như cuốn sách ấy mãi sau này mới ra đời, thì cái giá trị nó về phần lịch sử đã là khả nghi lắm rồi! Thì sao ta không nghĩ rằng chỉ mười bốn chữ của hai câu lục bát đó đã có những cụ tượng, và những quan-niệm trừu tượng mà... chẳng biết là cách đây non hai nghìn năm dân ta đã lĩnh hội chưa? Một câu ca dao là một tác phẩm vô danh lưu truyền trong đại-chúng. Tự liệu của mấy tác phẩm vô danh là những danh từ rất thông thường trong giai cấp xã hội của tác giả. Ta có thể tin rằng hồi bấy giờ dân chúng nước ta mắt đã quen với những xa xỉ phẩm như là nhiều, như là gương... hay không? Trong sự ăn mặc trong nghi tiết tế tự, văn-hóa đại-chúng nước ta hồi bấy giờ đã đi đến trình độ quý phái và đã thông dụng những phẩm vật như là nhiều điều, giá gương hay chưa? Như tám chữ sau, trong câu bát thì không những đã đề khởi đến quan niệm yêu giống yêu nòi mà thôi mà lại còn bao hàm cả ý nghĩa trừu tượng của hai chữ Quốc Gia nữa! Chẳng biết rằng trong các bộ lạc dân Việt Nam hồi bấy giờ, dân ta đã lĩnh hội được những quan niệm ấy hay chưa? Ấy vẫn là một vấn đề tôn-nghi, mà ý kiến ông Lê cũng vẫn chỉ có giá trị một lời «đoán vậy!» mà thôi!

Vẫn biết rằng một nhà khảo cổ lúc đã có một ý nghĩ mới, lúc đã tìm ra một tài liệu gì thì bỏ đi không dứt! Nhưng nếu không có những chứng cứ rõ rệt thì không nên đem tài liệu ấy ra mà ứng dụng. Kề cũng đáng buồn cho công phu tìm tài liệu; nhưng biết làm sao? Sự thực lắm lúc đến vô tình!

Trong khi biên tập cũng vậy, trước lúc dùng một danh từ mới lạ, người cầm bút cũng cần đem tài liệu mà so sánh với sự thực, rồi mới nên viết. Ngày nay, chỉ vì cần phải viết nhanh, chỉ vì sự

(1) Xem Thanh-Nghị số 1er Avril 1943.

táo-bạo, hoặc sự cầu thả mà dưới những ngọn bút quá liều lĩnh, nhiều danh từ đã cơ hồ không có một ý nghĩa gì xác thực nữa! Nhất là lúc chép sử ta không nên ép uổng tiếng nói quá đổi.

Troang lúc ông Đồng-Chi nói đến quan niệm của Lê van Hưu về « Quốc-Gia chủ-nghĩa » (trang 181), trong lúc ông gọi Trần nhật Duật là nhà « Bác-ngữ học », (tr. 226), và trong lúc ông nói đến chủ nghĩa Quốc Gia Xã hội (!) của Hồ quý Ly, thì thật ông đã đem bấy nhiêu tự liệu ra mà áp dụng một cách quá đáng. Danh từ khoa học không phải là một cái mũ đen, bằng cao su! Một mặt nữa, đem bấy nhiêu danh từ mới mà tô điểm cho cổ văn học, thiếti tưởng cái lâu đài cũ rích kia cũng chẳng đẹp thêm lên được tí nào! Trong mầu vườn trường giả của bác Tartarin, cũng có trồng đầy những cây cối lạ lùng đất Phi-châu, nhưng chỉ hiềm một nỗi là những thứ cù mọc to tát kia lúc ở bên « lue địa Đen » cao có hàng chục, hàng trăm thước, thì lúc về đến đất Tarascon chỉ là những cây cảnh ung dung sống trong những chậu cảnh tí hon, để chờ ngày chết gãy, chết mòn mà thôi! Về phần tư tưởng cũng vậy, ta không nên đem những danh từ to tát của tư tưởng ngày nay mà ứng dụng vào những sự thực nhỏ nhen hơn nhiều của « văn học » ngày trước.

Không những ta không nên quá khoa trương sở hữu của ta; mà có lẽ đối với những lời tán dương của người ngoài ta cũng nên nghĩ đi, nghĩ lại trước lúc nhận lời của họ. Nói đến binh chế đời Lý (quan hệ gì với văn học?) ông Đồng-Chi có dẫn một câu nói của P. Pasquier: « L'Annam a connu le soldat laboureur avant la Rome antique », (Nước Nam biết dùng lính làm ruộng trước nước La Mã thuở xưa). Nhưng nói có hương hồn tác giả cuốn « L'Annam d'autrefois »; chắc biết là ngài nói thiệt hay là nói chơi? Thì ta cũng nên nghĩ lại: La Mã đế quốc khởi thủy từ bao giờ? Diệt vong từ bao giờ? La Mã so với nhà Lý ta, thì bên nào trước, bên nào sau? Ta chỉ nên dựa vào cái tấm thịnh tình tác giả đã chủ trì rằng về phần binh chế nhà Lý của ta đã đi trước La Mã trong sự tổ chức nông binh... còn như sự nhận lấy lời tán đó thì, không dám (!).

Cũng chỉ vì ông Đồng Chi chưa có đủ thì giờ mà đối chiếu ý kiến người, ý kiến mình với sự thực, với lịch sử, nên chỉ trong bản sách V. N. C. V. H. S. còn có những sự sai lầm khác. Tức như trong lúc viết về thân thế Mạnh Tử mà ông cho rằng: Mạnh Tử là học trò Tử Tư. Không biết ông Đồng Chi căn cứ vào đâu, nhưng trong sử ký, Tử Mã Thiên chỉ chép rằng: Mạnh Tử là học trò của học trò Tử Tư. — Trong trang 887, ông Đồng Chi viết

(1) Tôi tiếc rằng không sẵn có cuốn L'Annam d'autrefois ngay trước mắt để tìm xem câu nói này ở về chỗ nào.

« Quý Ly bạo tay (?) tuyên án (?) các nhà nho đời Tống như Hàn Dụ... » Ấy nhưng Hàn Dụ là người đời Đường, chứ có phải là Tống nho đâu! »

Nói về lịch sử nghề in bên Tàu, ông Đồng Chi viết: « Sách Tàu (?) chép rằng: nghề ấy đến thế kỷ thứ X, Phong Đạo mới phát minh... » (tr. 150). Ấy nhưng trong lịch sử nghề in có tên Phong Đạo đâu! Hẳn ông đã nhớ lầm tên Phùng Đạo chăng? Nhưng Phùng Đạo chỉ là một viên quan đời Hậu Đường, đã có công xin với vua Trang Tôn in ra nhiều sách kinh truyện mà thôi, chứ có phải là người đã phát minh ra nghề in đâu! Nói đến nguồn gốc nghề này thì ngày nay người ta biết rằng: nghề khắc vào đá để in thành kinh truyện đã xuất hiện ở Tàu ngay từ thế kỷ thứ II sau G. T. và đến thế kỷ thứ bảy thì bản in đá cùng bản in gỗ đã thông dụng rồi.

Các cuốn kê cứu về văn học sử, cũng như bao nhiêu tài liệu sử khoa khác, không phải là hết thấy đều có nhưng giá trị xác thực in nhau. Riêng về nước ta, tài liệu kê cứu từ đời Trần về trước, thiệt quá ít ỏi; phần nhiều lại đều là sử liệu « xái nui, xái ba ». Vậy ông Đồng Chi cũng nên đánh giá nhiều bộ sách ông dùng để kê cứu một cách cẩn thận hơn nữa. Nhiều nhà viết sử trước đây đã có ý viết những câu truyện ly kỳ, hơn là đi sưu tầm sự thực Lịch sử không phải là dã sử. Những áng văn chép ở các cuốn sách truyện kỳ, những bài truyện khẩu không phải là những sử liệu có đảm bảo chắc chắn. Trong V. N. C. V. H. S. chúng ta đã được đọc một bài ca « Ái miên » (thích ngủ) — mà ông Đồng Chi cho là theo thể tài thơ mới (?) — Bài này trích ở trong chuyện nhà Ân-sĩ Na Sơn và trong một tác phẩm của Vương duy Trinh là một tác phẩm mới ra đời trong vùng bon năm mươi năm nay. Nhưng cuốn sách nay lại chép nhiều truyện hoang-dường lắm. Chợt đến ca câu chuyện nhà Ân sĩ nui Na sơn cũng vậy. Câu chuyện có linh cách thần tiên, rất rõ rệt. Tôi chưa được đọc bộ « Thanh-Hóa quan phong » của Vương duy Trinh mà ông Đồng-Chi đã nói đến trong bộ V. N. C. V. H. S. Nhưng tôi nhớ rằng đã được đọc một bộ sách của Vương duy Trinh tên là Thanh Hoa kỷ thắng. Trong bộ sách này, Vương duy Trinh còn chép một bài đi đôi với bài « ái miên » nữa, là bài « ái kỳ » (thích đánh cờ). Thích ngủ, thích cờ, thiệt là thần tiên đặc biệt, và nếu ông Đồng Chi đã đọc đến đoạn cuối cùng câu chuyện Chú tiểu núi Na sơn, thì ông sẽ thấy rằng đây là một câu chuyện sử. Vậy thì hai áng văn này và tất cả mấy bài ca trong chuyện đó, như là bài ca Na sơn, và bài thơ đoán trước cuộc thất bại của Hồ quý Ly và Hồ hán Thương hân cũng là những bài văn của người chép chuyện đã « đẻ » ra, chứ không phải văn đời Trần hay đời Hồ. Đặt tên gởi tuổi cho những áng văn ấy có vẻ vô đoán quá.

Nói qua về sự bài trí các áng văn-cổ trong cuốn V. N. C. V. H. S, tôi sẽ không khuyên ông Nguyễn Đồng-chi nên dịch âm tất cả các bài chữ Tàu theo cách đọc An-nam ta. Số là cuốn sách sẽ dày quá, (mà giấy má hồi này lại khan quá) — Cuốn sách dày không phải là một sự dở!... Nhưng nhiều lúc cầm lấy quyển sách thấy nặng-nặng thì cũng ngại! kè cũng đáng buồn cho sự sinh-hoạt tinh thần hồi này; thì sao có kẻ đã chịu khó viết một cuốn sách dày, mà mình là người chỉ mat công đọc mà lại không có gan đọc những cuốn sách dày? Nhưng tâm-lý người đọc là thế. — Và lại theo ý tôi thì đối với những người không biết chữ nho thì dịch âm ra cũng không ích lợi gì cho lắm. Nhưng tôi thấy rằng: trong bản in lần đầu tiên này, có một ít chỗ chữ nho đã in sai cả mặt chữ. Song điều đó hẳn ông Đồng chi cũng đã thấy trước tôi, thì sự đính-chính trong khi «ái-bản» «tam-bản» tưởng cũng không phải nhắc làm gì.

Một mặt nữa, có lẽ ông cũng không cần in tất cả bấy nhiêu bài làm gì; những bài không có tính cách «văn-học» thì nên bỏ bớt đi. Còn những bài còn lại thì cũng nên phân-tích lấy đại-ý và giảng-giải về phần nội-dung, về văn pháp, đề mà đi đến một câu kết luận gì có ý nghĩa sử học về tâm lý, về xã hội, về văn-nghệ thuật, thì có lẽ hơn. Nếu cần phải dẫn, thì chỉ dẫn một vài câu cũng được rồi. Sử là một khoa học. Thái độ khoa học là chú trọng đến đại-cương. Phân-tích được tinh-túy một bài văn, một bài thơ, mô tả được nhân cách một nhà tác-giả, và chân-tướng của một thời kỳ văn học, và ảnh hưởng của một nền văn nghệ, một trào-lưu tư-tưởng ấy là mục đích của văn-học-sử. Một bộ văn-học sử không phải là một tập «văn-tuyển».

Nhưng về cái bảng liệt những cuốn sách ông Đồng chi đã dùng để kê cứu thì có lẽ ông cũng nên chú ý kỹ lưỡng hơn một tí nữa. Tỉ dụ như có những bộ sách chép đã năm sáu thế kỷ nay mà ông Đồng chi đã nói đến thì người ta mong rằng ông sẽ cho biết rõ lai-lịch bộ sách in về hồi nào? Hiện nay có còn bản nào nữa hay không? Hay là chỉ còn cái tên sách nữa thôi? Số là sử-liệu nước ta hiện còn thiếu nhiều. Mà một bộ sách ngày xưa còn lại là một sử liệu rất quý báu. Có những cuốn sách hiện nay chỉ còn tên; cũng có những nhà văn hiện nay không những ta đã quên cả tên tuổi mà tác-phẩm của họ cũng không còn lại một bản nào nữa. Từ như trong bộ Toàn Việt Thi Tập của Lê Quý-Đôn, Lê có nhắc đến tên một nhà nữ-sĩ đời Trần là «Kim-hoa nữ học sĩ». Nếu như đây là một nhân vật có thật, thì hẳn là người nữ-sĩ đầu tiên trong văn-học của nước ta. Vậy có lẽ cũng nên nhắc đến để cho những người sưu tầm sau này lưu ý đến, và nếu có ai «mày-tay» thì sẽ tìm ra mối manh gì chăng?

Một vấn-đề quan trọng nữa là vấn đề chia thời kỳ văn-học sử. Ông Nguyễn Đồng-chi đã dựa theo lịch chính-trị, và theo từng đời vua mà chia «Cổ và 1 học sử» ra làm sáu thời kỳ:

- 1) Từ đời cổ đến Sĩ Nhiếp.
- 2) Từ Sĩ Nhiếp đến Ngô-Quyền
- 3) Đời Ngô Đình, Lê,
- 4) Đời Lý.
- 5) Đời Trần.
- 6) Đời Hồ.

Kề ra bố trí như vậy, cũng có thể gọi là gọn gàng cho trí nhớ phổ-thông. Nghĩa là sau lúc đã đọc bộ sách ông Đồng chi và đem mà đối chiếu với một bộ lịch sử chính-trị hiện còn dùng trong ban cao đẳng tiểu-học thì người ta cũng có thể biết thêm vào một ít tác phẩm một vài nhà văn, trong một triều-đại nào đó. Nhưng thử hỏi bấy nhiêu kiến văn có phải là kiến-văn về văn-học sử hay không?

Văn-học, cũng như chính trị, tôn giáo, đều là những công cuộc kiến thiết trên nền sinh hoạt của loài người. Nhưng văn-học của một nước, một dân tộc không phải là bao giờ cũng đi song-hành với các bộ môn khác. Văn học không phải là thị-tỷ của chính-trị. Văn biết rằng nhiều lúc chính-trị vẫn nhận lấy cái sứ-mạng đạo-dẫn văn-học. Nhưng văn học vẫn là những kết quả rất tinh vi của tinh-thần loài người trong khi tiếp xúc với hoàn cảnh trong khi lĩnh-hội sự vật của thiên-nhiên, của xã hội. Mâu-thuẩn là một hiện-tượng tồn tại trong nền sinh-hoạt xã hội, từ xưa đến nay, và trong khối óc trong tư tưởng cá nhân nữa. Lĩnh-hội sự vật, tùy người mà khác, tùy thời mà thay-đổi. Một mặt nữa trong một thời kỳ nào cũng vậy, có những nhà văn «Hàn lâm» thì cũng có những nhà văn «ngoại-đạo» những nhà văn «phá-giới». Có lúc văn học đi theo tư tưởng chính trị, nhưng cũng có lúc văn-học đi trước cả trào lưu; ấy là những nền văn-nghệ tiền-tuyển. Ta không có thể nói rằng: sự nhận thức này chỉ đúng cho xã-hội bên Âu châu hoặc xã-hội các nước ngoài mà thôi. Tức như một đời nhà Hồ chẳng hạn, có những kẻ cùng cung với họ Hồ, thì cũng có những nhà văn phản-đối lại.

Và lại sau lúc một vương-triều đã gây nên cơ đồ thì dầu có muốn đạo dẫn tư-tưởng và văn-nghệ để gây nên một nền văn học mới nữa, thì cũng phải có đủ thì giờ, và cái khuynh-hướng mới ấy cũng phải thích-hợp với nhu-yếu, với sở thích của thời kỳ, thì mới có thể thành hình được. Ấy là không nói đến những thời kỳ có những nhà chính-trị không có những ý-tư gì thanh-sở về văn-học, là không nói đến những người chỉ chú trọng đến chính trị, mà không lưu tâm, đến văn học, là không nói đến những người có một ít ý-nghĩ về văn học mà không có thể hi-hành ý muốn của mình được. Khép văn-học sử theo những thời kỳ chính trị là một sự ép uổng cho văn-học.

Một thí dụ : trong bảy năm (1400-1407) nhà Hồ cai trị nước ta, nếu như có một nền văn-học ấy cũng chỉ là kết tinh của tư-tưởng và văn nghệ của xã-hội An-nam ta về cuối đời Trần mà thôi. Hẳn ông Đồng chi cũng đã nhận thấy sự miễn-cưỡng ấy, nên ông mới cho nhà Hồ vay thêm 19 năm « thọ toán » nữa là thời kỳ Hồ Quý Ly cầm quyền (1380(?) - 1399) Nhưng dầu có thêm vào 19 năm nữa, thì một vương triều « tảo thương, tảo lạc » như vậy, cũng chả làm được việc gì mới mẻ cho văn-học kia mà !

Cũng vì lẽ ấy, mà tôi không đồng ý với ông Đồng chi về chỗ ông đã cắt ngang lịch sử « văn-học » từ đời Hồ về trước, đề gọi là là cổ - văn - học, và cho rằng một thời kỳ lấy lừng, tốt đẹp của văn-học ta đã bể mặc. Không thể được ! Là vì sinh-hoạt tinh-thần là một công cuộc tiếp tục, tư - tưởng, — mặc dầu cái tính cách mâu - thuẫn cố hữu của nó — là một « ngon được trao tay từ thế hệ này qua thế hệ kia » Nếu một dân tộc chưa bị cái thảm - họa diệt vong, thì công cuộc kiến thiết về văn - hóa cũng như về vật-chất, — vẫn sẽ kế tiếp luôn luôn. Thì có phải : sau cơ nghiệp nhà Hồ đã tiêu tán rồi, lớp người tân tiến sẽ đâm-đuơng và tấn-hành công cuộc phục-quốc trong khoảng 1407 - 1428 cũng chính là học trò, là con em thế-hệ 1380-1407 hay không ? Vẫn biết rằng trong lúc chống chọi với người Minh, một lớp người đã bị tử trận, và trong lúc nội thuộc một số sách vở đã bị người Minh khuân đi ; nhưng tư tưởng của lớp người quá-cổ có vì thế mà hoàn toàn tiêu diệt không ? Con cháu các nhà danh giá hồi bấy giờ họ có chịu để cho tư tưởng người xưa tiêu diệt không ? Người Minh với chính-sách của họ có thiệt ác nghiệt như ta đã tưởng tượng không ? Nếu họ có dụng tâm độc địa đến thế nữa, họ có đủ thủ đoạn mà thi hành cái chính sách dã man ấy cho triệt để không ? Ta thấy văn chương đời ấy còn lại ít ỏi, ta trách người Minh, gọn lắm ! Nhưng còn một câu hỏi nữa là : hay là cũng « chỉ có thể với kém » thôi ? Hay là chính tự con cháu ngày sau cũng có một trách nhiệm khá to trong sự thất truyền đó ? Hay là, nói như nhà thi-sĩ ngồi ngắm bức địa - đồ rách :

« Ấy của cha ông « mua » để lại,
« Mà sau con cháu lấy làm chơi ? »

Ta nên nhớ rằng : đến đời Hồng-Đức nhà Lê, mấy nhà chép những bộ sách văn tuyển còn có thể ấn hành được mười lăm quyển ; vậy thì văn thơ Lý Trần sau lúc nhà Minh lấy nước ta vẫn còn khá nhiều. Sau 'ai, hồi Lê quý Đôn chép bộ « Toàn Việt thi tập » mà bài tựa biện còn chép trong bộ « Hoàng Việt Văn Tuyển » của Bùi huy Bích, Lê cũng không thấy thống trách gì nhà Minh. Hơn nữa : Lê còn dẫn lời một nhà chép văn-tuyển về đời Hồng Đức nói rằng ; « Văn chương đời Trần, còn chưa được chỉ vua ban ra ấn hành, nên chưa dám in » ấy là

một lẽ chính làm cho văn-thơ ngày trước ít ai được biết. » Đây cũng là một chứng cứ là trong công cuộc hủy hoại sách cũ, nhà Minh cũng chỉ có một phần trách nhiệm con con mà thôi.

Ông Đồng-chi đồng-ý với ông Huỳnh thúc Kháng, mà cho rằng từ thế kỷ thứ XV giờ đi « cái học hay tốt từ đời Trần về trước đã bị « quét sạch sành sanh ». Sạch sành sanh ? có lẽ quá lời ! còn như nói về văn học hay tốt hơn đời sau cũng là một câu chuyện còn chờ chứng cứ. Về phần văn-chương cũng như về phần tư - tưởng, ta không nên quên rằng : nếu như nhà Trần có Trần hưng đạo, Trần Nhật Duật, Phạm ngũ Lão, Chu-văn-An Trần nguyên Đán, Hàn Thuyên,... thì từ thế kỷ thứ XV giờ đi nước ta cũng còn những người như Nguyễn Trãi như Lê Thánh Tôn với văn-sĩ đồng-thì như Lương Đắc Bằng, như Lương hữu Khánh, Nguyễn bỉnh Khiêm, Lê Quý Đôn, với các ông nghệ triều Lê như Đào duy Từ, như Nguyễn Du v...v...

..

Nếu như ông Nguyễn Đồng-chi nghĩ kỹ lại quan điểm của ông thì có lẽ nội - dung bộ sách ông sẽ khác hẳn.

Trước hết bộ « văn học sử » của ông sẽ không phải chỉ là một tập văn-tuyển xen lẫn hai thứ văn Tàu và văn nôm, và thêm vào một ít ý tưởng quá sơ sài về các bộ-môn khoa học khác. Và có lẽ ông sẽ thải ra ngoài những bài văn không có tính cách văn - học, những bài không có giá trị lịch sử đích xác, và những câu chú-thích quá rườm. Lẽ cố nhiên làm như vậy thì trong mấy chương nói về « Cổ văn học sử » từ đời cổ cho đến thời kỳ Ngô, Đinh, Lê sẽ chỉ là mấy trương giấy trắng con chờ bỏ-khuyết mà thôi (1).

Riêng về vấn đề chia thời kỳ, nếu ta nhận thấy chỗ tương - đồng của « văn học » nước ta thì có lẽ ta sẽ chú ý đến cái tính cách phong kiến của bấy nhiêu đời vua. Phần nhiều tác phẩm đều là của các nhà Nho. Mà phái nhà Nho hồi bấy giờ phần nhiều lại là tay chân của các Vương hầu. Tư tưởng của họ đã chịu ảnh hưởng Phật, Lão, và nhất là ảnh hưởng của Khổng - giáo. Trong một hội-xã tiểu nông, với những quy mô kinh tế hẹp hòi với những sự giao thông chật hẹp, trong quy-luật của nền văn học cử tử, nền « cổ - văn - học » chỉ có thể phát triển một cách chậm trễ. Văn-phái nhà-nho vẫn giữ cái tính cách bảo thủ phong - kiến đó từ suốt từ mấy đời Đinh, Lê, Lý, Trần Lê, cho đến thế kỷ thứ XIX. Lẽ cố nhiên ta không thể nói rằng nền văn-học ấy không tiến - triển và nếu nhận kỹ thì ta thấy rằng

(Xem tiếp trang 30)

(1) Sau bài tóm tắt ông Đồng chi có nhắc đến thời kỳ từ hồi phát đoan đến thế kỷ thứ X và thời kỳ toàn thịnh. Nhưng trong thời kỳ đầu vẫn là một thời kỳ sử liệu thất-truyền.

Ý NGHĨA «XUÂN THU NHẢ TẬP»

ĐOÀN PHÚ TỬ

XUÂN THU NHẢ TẬP ra đời được ít lâu thì ở trên báo Thanh-nghị, ông Diệu Anh có nhã ý viết một bài tiểu luận khá dài đề ghi những cảm-tưởng của ông khi đọc tập văn ấy.

Kể viết mấy dòng này nhân đọc bài văn của ông Diệu Anh, cũng có một vài điều nghĩ. Song vốn cũng dự một phần biên tập quyển sách nói trên, nên bấy nay ngần ngại không dám nói những điều nghĩ của mình, chỉ mong có ai nói hộ. Cho đến nay vẫn chưa ai giải-thích hộ mình mấy điều thắc mắc đó, nên bất đắc dĩ phải cầm bút viết vài lời. Ấu cũng là một cái bổn-phận đối với những ai tri kỷ.

Trong bài phê bình của ông D. A. dài năm trang báo có đến hơn 3 trang nói về vấn-đề *Thơ* trong X.T.N.T. có thể làm cho người không đọc kỹ hiểu lầm rằng X.T.N.T. là một thiên lý thuyết của một thi phái nào, hoặc của một thi pháp nào riêng thực ra X.T.N.T. có dành cho *Thơ* một địa vị rất quan trọng trong cả một hệ tư tưởng (đi từ vấn-đề Trí Thức đến vấn-đề Đạo-lý), song quan-niệm *Thơ* trên một vị-trí cao siêu, vượt hẳn ra ngoài vòng văn pháp (chứ không hề bàn cái đến những thi-pháp vô cùng biến đổi của mọi thi-gia). Trong X. T. N. T. có xen lẫn vào phần nghị-luận, vài bài *thơ*, một bản đàn, một bức họa, chẳng qua chỉ là đề điểm khuyết cho tập văn, thực chẳng có ý gì định chứng minh cho một lý-thuyết nào. Vả chẳng đó là những công-trình sáng-tạo vô cùng tự do, vượt lên trên tất cả mọi lý-thuyết, — những dịp chân thành của riêng từng tâm hồn cá nhân. Có chăng tiêu biểu được của X.T.N.T. cái ý tưởng « chân thành ».

Cố gạn lấy, trong cái hỗn độn của ngôn-ngữ và của tư-tưởng đương thời, một quan-niệm *THƠ*, một ý-tưởng *NHẠC*, để xây đắp, trong một ngôn từ trong trẻo, một nền Tư-Tưởng có thống-hệ, khả dĩ vạch được con đường sáng, « XUÂN THU NHẢ TẬP » đã có một ý-nghĩa rõ-rệt, vượt hẳn câu chuyện văn chương. Ý nghĩa đó đã được định rõ ràng đầy đủ trong một bài « *Quan Niệm* », và đã được giải trọn trong mấy bài « *Thanh - Khi* » « *Thiên Chức* », « *Tĩnh Tự* » v. v...

Mấy dòng này chỉ cốt giải hết sự ngộ-nhận đề cởi được mỗi oan-khiên cho một quyển sách, và mong rằng vì đó mở thêm được vài đường thông cho quyển sách được hưởng một chút gió mát một chút giờ xanh.

Vì đâu mà năm sáu người bạn đã cùng nhau xây đắp nên quyển sách nhỏ kia? Đó là chủ đề của mấy bài *Thanh-khi* (X. T. N. T. tr. 15-22) mà bất tất ta phải nhắc lại ở đây, song ta có thể tóm lược bằng một câu: **MỘT CUỘC CHÌN THIÊN ĐI TÌM ĐẠO SỐNG.**

Con đường tốt đẹp đã tìm thấy, và đã được vạch rõ ràng trong một bài *Quan-Niệm*: « *Ta gắng đi đến TA theo những đường nhịp nhàng: Văn chương Nghệ-Thuật, và bao trùm hết cả, Thơ (— Lòng yêu — Lòng tin)... Tới cái Ta-thiền-túy: tri-thức tuyệt-vời và tuyệt-đối.* (tr. 11).

Sống theo cái *Nhịp* của Trời Đất, mà cái biểu tượng đương nhiên và tốt đẹp nhất, là hai mùa *Xuân* và *Thu* lần chuyển. Nên lấy hai chữ **XUÂN THU** làm biểu-hiệu cho cái *Nhạc* của *Vũ-tru*.

Làm sao tới được cái *Nhạc* kia? — Bằng cách cảm-thông với Trời Đất, bằng cách thoát ra ngoài cái vỏ nhất thời của mình để hòa lẫn với sức sống vô cùng tận của muôn loài, nghĩa là bằng *Thơ* (Lòng Yêu, — Lòng tin). (*Thiền Chức* tr. 23 - 26).

Nhân đó, mà có một quan-niệm siêu việt về *THƠ* không quanh-co lúng-túng trong khuôn-khổ của văn-chương. (*Thơ*, tr. 27 - 39). Nhất là phần-biệt « *Văn* » và « *Thơ* »: « *Văn* » nói chuyện đời, nheng « *Thơ* » chính là liếng đời u-huyền, trực-liệp... « *Thơ* » chính là một cách tri-thức cao-cấp. Nó đã bắt gặp *Hình-Nhĩ-Thượng*, đưa đến *Tôn-Giáo*, và thực-hiện *Ái-tình*, nghĩa là *Vô-Biên*.

Tới được *Thơ*, tới được sự *Thật* sáng suốt, bằng cách tĩnh-tự: *Hãy tự tĩnh-thần về một phía, hãy tĩnh-tâm để lửa Trời rọi tới cõi tinh-vi.* (*Tĩnh-tự* tr. 60).

Vấn-đề *THƠ* đặt như vậy, tự nhiên nêu lên vấn-đề *Tri-thức*, bất ta phải có một quan-niệm siêu-việt về *Tri-Thức* (tr. 63); và nêu lên vấn-đề *Sáng-tạo*: « *sáng-tạo* » tức là *đạt được cái Diệu tuyệt-vời, trong đẹp, thật, để thấu được cái Nhạc của Trời-Đất* (*Nhạc Diệu*, tr. 50.). « *Diệu Nhạc* *lưu-luyến* *xưng* *Như* *gợn* *với* *đức* *Xe* *loạn* *cùng* *ngọc* *lũ* *Dòng* *sông* *và* *nguồn* *nước*. (tr. 54).

TRÍ-THỨC: gốc cây Ta, đầy nhựa *Thơ*, hút nhận *Nhạc* của Đất-Trời, để trở sinh bao *Diệu* *thâm* *tươi* *những* *bông* *SÁNG-TẠO* *đáng* *lên* *bản* *thờ* *ĐẠO* *l ý*. — *lẽ* *sống* *trong* *Đời*. (tr. 67).

Bao nhiêu mối của một Tư Tưởng đều quy vào một hệ lớn, có ba mối chính: **TRÍ-THỨC**, **SÁNG TẠO**, — và **ĐẠO-LÝ**, mà quyển X. T. N. T. mới nêu

lên trong một thể đại-toàn.

Mối đầu tiên cần phải giải thích nhất là *Trí-thức*.
• Tất cả cuộc sống (cuộc sống lộn lộn) chỉ là một
VẤN-ĐỀ TRÍ-THỨC. (tr. 68).

Ta hãy coi X. T. N. T. là một quyển sách đại-toàn, nêu lên những đầu mối của *Tư-tưởng Xuân Thu* mà mỗi người đồng thanh-khí (còn những ai nữa đây ?) sẽ tìm phương-tiện riêng mà giải-thích cho đầy đủ, trọn vẹn, ngộ hầu xây đắp được một chút gì trong cái nền tảng cần phải có cho cả một cuộc Văn-Minh mai hậu.

(X. T. N. T. há có phải là một lý-thuyết về một lối làm thơ của một vài thi-gia nào đâu).

Và r êng kẻ viết mấy giòng trên này, sẽ có dịp gửi báo Thanh-Nghị những ý mơn về mọi vấn-đề phụ-thuộc *Tư-tưởng Xuân-Thu* (Thơ, Trí-thức, v.v...).

ĐOÀN PHÚ TỬ

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua
VÉ SỒ SỒ ĐÔNG-DƯƠNG

≡ Ả Q CHÍNH TRUYỆN ≡

(Tiếp theo trang 24)

Muốn cho bấy nhiêu « khán quan » được hài lòng hơn nữa, và lại hết sức béo luôn một cái thiết mạnh nữa vào má cô bé, rồi mới buông tay.

Sau lúc đã lập « chiến công » này, Ả Q. đã quên cả Vương Hồ, quên cả lão « Tây giả » và hình như bao nhiêu nỗi bất bình, bao nhiêu sự « xúi quẩy » ngày hôm ấy đều đã rửa được sạch sành sanh đâu cả ! Một mối cảm giác lạ lùng : và nghe hình như mình mây đã nhẹ hẳn đi, nhẹ hơn cả hồi và bị mấy dùi ba toong đánh đồm độp vào đầu nữa ! Ả Q. hớn hờ tựa hồ như muốn bay bổng lên tít mãi trên mấy tầng mây.

Xa xa đằng kia vắng vắng còn nghe cô tiểu non chữi, tiếng kêu la lồng trong tiếng khóc :

« Ba đời nhà thằng Ả Q. đồ tuyệt tự ! »

— Ha ! Ha ! Ha !

Tiếng Ả Q. cười nghe rộn rã mười phần đắc ý.

— Ha ! Ha ! Ha ! Ha ! Ha !

Tiếng bao nhiêu người trong đám cười nghe cũng rộn rã, đắc ý cũng có chín phần rười rượi già...

Đ. T. M.

≡ ĐỌC VIỆT-NAM CỔ VĂN HỌC SỬ ≡

(Tiếp theo trang 28)

các nền văn học đó xét về phạm, lượng vẫn có thể nói rằng càng ngày càng phát triển ; nghĩa là văn chương « cổ văn-học » trong tròng kỳ đó theo niên đại thì dần dần cũng nhiều thêm lên và họa chăng câu văn có chải-chuốt hơn lên mà thôi. Còn về phần tư-tưởng thì có lẽ cũng chả có gì là đặc sắc. Trừ ra thỉnh thoảng mới có thấy một vài áng-văn chương có những ý vị sâu sắc nhưng ta cũng phải nói rằng rất hiếm hoi ! Nói như lời ông Đồng-chi, « về phần văn-lịch » eha ông ngày trước đã đề cho ta một mối thất vọng » Thất vọng ? có lẽ quá lời. Công cuộc sinh hoạt còn tiếp tục thì có lẽ ta còn có hi vọng được. Trong phạm-vi sinh - hoạt và văn hóa, ngày xưa, người trước chỉ làm đến thế là hết nước rồi. Nhìn giờ lại ta không có thể tự hào với cái nền « cổ văn học » đó, nhưng cũng chính vì vậy mà trách nhiệm chúng ta ngày nay cũng phải nặng nề thêm nữa. Nhân được cái hay cái dở hồi trước cũng là một bài kinh-nghiệm cho hiện-tại và tương-lai, chứ sao ? —

Bấy nhiêu ý tưởng không phải là có ý « vạch lá tìm sâu » với công trình đáng quý của tác giả bộ V. N. C. V. H. S. Ta không nên quên rằng : trong một tác phẩm chứa chan những chân thành và nhiệt huyết như bộ sách này, nếu còn một ít khuyết điểm thì một phần trách nhiệm vẫn là trình độ khoa học của thời đại, và một ý tưởng mới lạ mà ta tìm được ở trong cuốn sách vẫn là công lao của tác giả. Trên lịch trình sử học nước ta, một tác phẩm công phu như bộ sách của ông Nguyễn đồng Chi với bấy nhiêu sự tận tâm, vẫn có thể gom góp một phần ích lợi lớn trong công cuộc trước tác ngày mai. Dầu cuốn V. N. C. V. H. S. chưa phải là một bộ sử hoàn toàn — kể ra đã dễ có một bộ sử nào có thể cho là hoàn toàn ? — thì ông Nguyễn-Đồng-Chi cũng đã đem tâm lực mà làm một việc rất cần thiết cho sử học nước ta, và ông cũng đã cung cấp cho đồng bào một tập tài liệu quý hóa cho ai là người muốn đọc, muốn khảo cứu về những lối văn chữ Hán nước ta ngày trước.

THANH TUYỀN

VIỆC QUỐC TẾ

TRONG nửa tháng vừa qua mặt trận Nga không có sự thay đổi lớn. Có một điều đáng chú ý là ở khu Kouban Hồng-quân tấn-công mạnh hơn hết đánh vào thành Novorossiik và đã tới gần bán đảo Kertch ở phía đông bán đảo Crimée. Có nhẽ Nga muốn cướp lại Crimée để rồi liên lạc với quân Anh Mỹ ở một trận tấn-công có thể ở trên bán-đảo Bani-Cân sau khi Anh-Mỹ đã giải-quyết xong trận Tunisie chẳng? Như thế cuộc hội-đàm bí-mật giữa quốc-trưởng Hitler và quốc-vương Boris xứ Bulgarie cuộc hoạt động ngoại giao giữa Anh và Thổ ở kinh thành Ankara thực có ý-nghĩa.

Nhưng việc đó còn phải tùy ở số phận Tunisie. Ở đây quân Đức-Ý đã lâm vào một tình-thế đáng lo ngại. Sau khi phá được phòng-tuyến Mareth, quân Anh đã đánh lên phía Đông-Bắc, qua eo đất Gabès chiếm Sfax và Sousse, một hải cảng cách Tunis chừng 100 cây số ở phía Nam. Trong khi đó quân Mỹ ở phía Đông Nam và Trung Tunisie đánh về bờ biển để bao vây quân Trục, nhưng mấy lần chưa đạt vì quân của thống chế Rommel vẫn rút lui kịp về phía Bắc và đạo quân này đã liên-lạc với đạo quân của Von Arnim ở trên. Đồng thời lộ-quân thứ 8 của Montgomery cũng liên-lạc với quân Mỹ ở El Guet-ta để rón quân Trục về khu Tunis. Nhưng ở trên này lộ-quân Anh thứ nhất derson sau khi vượt những phòng tuyến ở Djebel của An-Abjod lại đánh xuống miền Nam, phía Kaiouan Sousse để chặn đường rút lui của quân Đức-Ý. Để trợ-lực những cuộc tấn-công trên đây và để chặn đường ra biển, một đội chiến hạm lớn của Anh sau khi tập-trung ở quân-cảng Gibraltar đã rời về phía Đông-Địa-trung-hải. Ta e rằng một trận Dunkerque thứ hai sẽ tái-diễn ở miền Đông-Bắc Tunisie Tuy-nhiên lực-lượng của khối Rommel - Arnim cũng không phải là nhỏ và Anh-Mỹ có đạt được mục đích cũng còn khá lâu.

Đồng-thời với những cuộc tấn-công ở Bắc-Phi, những trận không-chiến khủng-khếp đã xảy ra ở mặt Tây-Âu, phi-cơ Anh tàn-phá khắp nơi: Berlin Essen, Rotterdam, Anvers, Rouen, Paris; thủ-đô nước Pháp từ tháng Mars năm ngoái đến giờ mới lại bị ném bom một lần dữ-dội hơn hết, có tới hơn bốn trăm người thiệt-mạng. Người ta nói Anh-Mỹ hình như quyết-định cuộc thắng trận bằng cách dùng không quân tấn-công ào-ạt vào Âu-Châu.

Viết ngày 14 Avril 1943.

Đ.Đ.D.

**== NHÀ XUẤT BẢN ==
HÀNG TÔNG PHÁT HÀNH**

THỜI = ĐẠI =

ĐANG IN:

NGUYỄN VĂN NGỌC

ÔN NHƯ TOÀN TẬP

Truyện cổ nước Nam — Tục ngữ phong
dao — Cổ học tinh hoa

■

HOÀNG ĐẠO THỦY

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ?

■

NGUYỄN XUÂN KHOÁT

VIỆT-NAM NHẠC-PHỒ

Đã có bản. Giá: 0\$20

Quyết chí tu thân — Phụng mệnh quân
vương — Trấn thủ lưu đồn

■

NGUYỄN TUÂN

VANG BÓNG MỘT THỜI

(tái bản)

■

THANH TÌNH

NƯỚC CỜ NAM TIỀN

—

Mua buôn dưới 20 quyền trừ 25%, trên
20 quyền trừ 30%. Ngân phiếu đề cho:

M. ĐỖ HUÂN

214, Hàng Bông HANOI

ĐÃ CÓ BẢN:

NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ

của

NGUYỄN BÁCH KHOA

Dày trên 200 trang. Giá: 1\$80

ĐANG IN:

GỐC TÍCH LOẠI NGƯỜI

của giáo-sư

NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Đó là hai cuốn nghiên-cứu mở đầu cho một bộ sách đồ sộ mà ai cũng phải đọc để hiểu mình là gì.

IIÀN THUYỀN PHÁT HÀNH

lồng đại-lý:

Saigon — Chợ-lớn:

HIỆU SÁCH XƯA NAY

62, Bonnard — SAIGON

VĂN LIỆU

≡ TỪ ĐIỂN ≡

của

Long Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tra của cụ Đốc

Ôn Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Những thành ngữ và từ ngữ của ta trong các thứ văn sắp đặt lại thành một pho từ điển, rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc sách và nhất là cho các học sinh học khoa quốc văn trong các trường.

Sách khổ rộng 16×25 ngót: ... 400 trang

Giá định cho các bạn đặt

mua trước ngày 1^{er} Mai 1943: 5\$00

Đặc biệt trừ 10% cho vị nào trả tiền trước ngày 1^{er} Mai và 20% cho những giáo sư các trường công tư mua trên 10 quyển.

THƯ TỪ và NGÂN PHIẾU để cho

Ông QUẢNG VẠN THÀNH

16 Phố Lê Lợi—Hanoi

hay 51 Phố Doumer—Haiphong

BÁO THANH-NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 16 Avril 1943

- Vấn đề giáo-dục bình-dân
- Cuộc tiến-hóa của nền tư bản Âu tây,
- Hiến-pháp của vài nước lân bang với xứ ta
- Lửa bên trong
- Nhà chính khách và nhà chính trị
- Ba cuốn tiểu-thuyết Pháp hiện-đại.
- Thanh-niên với âm nhạc
- Ba tâm vé số, truyện ngắn
- Xã-hội Việt Nam từ thế kỷ thứ 17.
- A. Q. chính truyện
- Đọc sách mới

VŨ ĐÌNH HÒE
VŨ VĂN MIỀN
PHAN ANH
ĐÌNH GIA TRINH
ĐỖ ĐỨC DỤC dịch
LÊ HUY VÂN
NGUYỄN VĂN TỔ
NGUYỄN TUÂN
NGUYỄN TRỌNG PHẤN
ĐẶNG THÁI MAI dịch
L. H. V.

Xin chú ý. — Tòa báo T. N. đã dọn lại 214 phố hàng Bông Hanoi

Autorisé par arrêté du Gouverneur général du 1^{er} Mai 1939 N° 3089